

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách thành phố Vĩnh Yên

Mã số tuyến: 0825.1728.A

Hành trình tuyến: BXK phía Nam Hà Giang- QL2- Bắc Quang - Tuyên Quang - Phú Thọ - Việt Trì - Vĩnh Yên và ngược lại

Cự ly tuyến: 270 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15	04h50	14h15
2	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15	12h20	05h15

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50	04h50
2	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20	12h20

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Lập Thạch

Mã số tuyến: 0825.1731.A

Hành trình tuyến A : BXK phía Nam TP Hà Giang- QL2- Bắc Quang- QL2- Tuyên Quang-Đoan Hùng- Kim Xuyên (QL2C)- Sơn Nam-BXK huyện Lập Thạch và ngược lại;

Cự ly tuyến: 265 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 15
Đến

y 30
Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Phúc Yên

Mã số tuyến: 0825.1732.A, B, C (STT 6321)

Hành trình tuyến (A): B XK phía Nam Hà Giang- QL2- Bắc Quang - Tuyên Quang - Phú Thọ - Việt Trì - Phúc Yên- Xuân Hòa - BX Phúc Yên và ngược lại;

(B): BX Phúc Yên-QL2-ĐT 305-TT Lập Thạch-ĐT 307- Lãng Công- Hải Lựu- Bạch Lưu- Kim Xuyên- Cầu Kim Xuyên- Đoan Hùng- QL2- B XK Phía Nam HG và ngược lại.

C: B XK Phía Nam Hà Giang- QL2 –Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - Khu công nghiệp Phú Hà – Nút giao IC8 –Cao tốc Nội Bài Lào Cai – Nút giao IC6- ĐT 305C- QL2- ĐT 310B – ĐT311 –B XK Phúc Yên và ngược lại

Cự ly tuyến: 285 km; 270km, 285 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 180 chuyến/tháng (60A-60B- 60C)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng (B)

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00
2	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00
3	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00	4h35	04h00
2	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00	11h50	06h00
3	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35	11h35	04h35

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe huyện Vĩnh Tường

Mã số tuyến: 0825.1729.A

Hành trình tuyến: B XK phía Nam Hà Giang- QL2 - Bắc Quang - Tuyên Quang - Phú Thọ - Việt Trì - Vĩnh Tường và ngược lại

Cự ly tuyến: 270 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Yên Lạc

Mã số tuyến: 0825.1730.A

Hành trình tuyến: B XK phía Nam Hà Giang- Tuyên Quang - Việt Trì -QL2-ĐT304-TT Vĩnh Tường - QL2C-Tê Lỗ -ĐT 303-DDT- BX Yên Lạc và ngược lại

Cự ly tuyến: 260 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liền kề (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
(tài)	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Sông Lô

Mã số tuyến: 23 88 11 19.A

Hành trình tuyến: Bến xe Phía Nam TP Hà Giang - QL2 - Tuyên Quang- Đoan Hùng - Phú Mỹ - Lệ Mỹ - ĐT323 (Đê Phú Thọ) - Bến

Cự ly tuyến: 235 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15	14h35	06h15

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe TP Việt Trì

Mã số tuyến: 0825.1701.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam-QL2- Bến xe khách Việt Trì và ngược lại;

Cự ly tuyến: 230km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30	13h40	05h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách TX Phú Thọ

MST 2501

Mã số tuyến: 0825.1702.A,B

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam-QL2- ĐT 315B- ĐT 320- Bến xe khách TX Phú Thọ và ngược lại;

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam-QL2- Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - đường Hồ Chí Minh - đường Hùng Vương - BXK Phú Thọ và ngược lại

Cự ly tuyến: 220km A-200B

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng (A)-180 (B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 300 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Thanh Thủy

Mã số tuyến: 0825.1708.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- Tuyên Quang-Đoan Hùng-TL315B-TX Phú Thọ-Cầu Ngọc Tháp-TL315-Cầu Phong Châu-QL32-Cầu Trung Hà-TL316-BXX Thanh Thủy và ngược lại;

Cự ly tuyến: 260km

Tổng số chuyến xe/tháng: 260 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 200 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	
1	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20
2	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10	12h20	5h10
2	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10	4h00	12h10

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 15
Đến
12h20
4h00

y 30
Đến
12h20
4h00

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Mỹ Lung

Mã số tuyến: 0825.1711.A,B

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam-QL2- QL70- QL70B- Bến xe khách Mỹ Lung và ngược lại;

B: B XK Phía Nam Hà Giang - QL2 - QL70 - ĐT 319-ĐT 314- QL32C - ĐT313 - QL70B - BX Mỹ Lung và ngược lại;

Cự ly tuyến: 221km & 300km

Tổng số chuyến xe/tháng: A-300 chuyến/tháng; B- 300 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 600 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kè (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Thanh Sơn

Mã số tuyến: 0825.1703.A

Hành trình tuyến A: BXK Phía Nam Hà Giang - QL2 - QL70 - QL70B - QL32C - ĐT313 - QL32 - BXK Thanh Sơn và ngược lại;

Cự ly tuyến: 300 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Huyện Cẩm Khê

Mã số tuyến: 0825.1707.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam-QL2- QL70-QL70B-QL32C- bến xe Cẩm Khê và ngược lại;

Cự ly tuyến: 250 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 300 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 270 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
	1	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40	5h00	12h40

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam, TP Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Gia Lâm

Mã số tuyển: 0108.1217.A, B, C, D MST 3494

Hành trình tuyến <A> BXK phía Nam, TP Hà Giang- QL2 - Tuyên Quang - Đoan Hùng - Phù Ninh - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút giao IC01 - QL2 - đường Võ Văn Kiệt - đường Hoàng Sa - đường Trường Sa- cầu Đông Trù - Nút giao Long Biên - đường Nguyễn Văn Cừ - phố Ngọc Lâm - phố Ngô Gia Khảm -BX Gia Lâm và ngược lại (VB 13223/BGTVT-VT ngày 21/11/2023)

**Hành trình tuyến ** BXK phía Nam, TP Hà Giang- QL2 - Tuyên Quang - Phú Thọ - Vĩnh Phúc - QL2 - đường Võ Văn Kiệt- đường Hoàng Sa- đường Trường Sa- Cầu Đông Trù- đường Lý Sơn - nút giao Long Biên - đường Nguyễn Văn Cừ - phố Ngọc Lâm - phố Ngô Gia Khảm - Bến xe Gia Lâm và ngược lại;

Hành trình tuyến <C> BXK phía Nam, TP Hà Giang- QL2C - TL303 - TL305 - Phúc Yên - QL2 -Đường Võ Văn Kiệt - đường Hoàng Sa - đường Trường Sa - cầu Đông Trù - đường Lý Sơn - nút giao Long Biên - đường Nguyễn Văn Cừ - phố Ngọc Lâm - Ngõ Gia Khảm - BX Gia Lâm và ngược lại

Hành trình tuyến <D> BXK phía Nam, TP Hà Giang- QL2 - Ngã tư Nội Bài - đường Võ Văn Kiệt -đường Hoàng Sa - đường Trường Sa- cầu Đông Trù - đường Lý Sơn - nút giao Long Biên - Nguyễn Văn Cừ -Ngọc Lâm - Ngô Gia Khảm - BX Gia Lâm và ngược lại.

Hành trình E: BXK Phía Nam TP Hà Giang – QL2 – Cao tốc Tuyên Quang, Phú Thọ - IC9 – Cao tốc Nội Bài, Lào Cai – Nút giao IC01 – QL 2 - đường Võ Văn Kiệt – đường Hoàng Sa – cầu Đông Trù – Nút giao Long Biên – đường Nguyễn Văn Cừ - phố Ngọc Lâm – phố Ngô Gia Khảm – BXK Gia Lâm và ngược lại

Cự ly tuyến: 320 km -290km E

Tổng số chuyến xe/tháng: C-30; D-30;A-165; B-165 -300 E

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 450 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng (45A-45B)

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

[illegible]

- Mẫu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyên: TUYÊN QUANG - HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** BXK Mỹ Đình

Mã số tuyển: 0108.1317.A

Hành trình tuyến: <A> BX phía Nam HG- QL2- Đường Võ Văn Kiệt- Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long- cầu vượt Mai Dịch)- đường Phạm Hùng - BXK Mỹ Đình và ngược lại

Cự ly tuyến: 320 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 450 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 450 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

[illegible]

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	06h05	15h45	
2	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	08h20	18h15	
3	08h50	08h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	08h50	8h30	
4	09h15	08h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	09h15	8h00	
5	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	10h20	22h00	
6	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	13h05	14h30	
7	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45		
		05h00	16h20			05h00	16h20			05h00	16h20			05h00	16h20			05h00	16h20			05h00	16h20			05h00	16h20			05h00	
8	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50	10h00	16h50
9	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50	09h00	21h50
10	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	09h35	17h45	
11	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20	07h30	18h20
12	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20	20h15	19h20
13	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35	20h25	19h35
14	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50	08h30	19h50
15	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50	21h50	20h50

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
 - Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.
- Tạm dừng đăng ký theo QĐ 2288/QĐ-BGTVT

Hành trình tuyến : BX khách phía Nam HG - QL2 -Tuyên Quang (QL2)- Đoan Hùng- Phù Ninh(Phú Thọ) - Cao tốc (Lào Cai Nội Bài) -Đường Võ Văn Kiệt- Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long- cầu vượt Mai Dịch)- đường Phạm Hùng - BXK Mỹ Đình và ngược lại

Cự ly tuyến:294 km

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

[illegible]

3	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30	21h10	12h30
4	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30	08h05	19h30
5	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15	06h50	15h15
6	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20	10h35	21h20
7	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00	11h20	13h00
	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00	12h05	07h00
8	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15	12h35	11h15
9	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30	14h00	13h30
10	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35	14h35	11h35
11		16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45			16h00	15h45	
12	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15	09h50	17h15
13	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30	17h35	10h30
14	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30	18h35	09h30
15	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00	18h50	12h00
16	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30	19h15	05h30
17	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00	20h20	21h00

Hành trình <C>: B XK phía Nam Hà Giang - QL2- Tuyên Quang (QL2)- Cầu An Hòa- QL2C- TX Phúc Yên (Vĩnh Phúc)- Đường Võ Văn Kiệt-Cầu Thăng Long- Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - cầu vượt Mai Dịch)- Đường Phạm Hùng- Bến xe Mỹ Đình và ngược lại

Cự ly tuyến: 320 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến/tháng

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
2	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50	20h35	20h50

Nốt	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	Ngày 24	Ngày 25	Ngày 26	Ngày 27	Ngày 28	Ngày 29	Ngày 30
-----	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------

1	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45
2	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30
3	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40
4	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30
5	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00
6	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45	07h20	16h45
2	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30	11h35	22h30
3	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40	20h05	20h40
4	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30	20h55	13h30
5	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00	21h20	07h00
6	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00	21h35	14h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Tạm dừng đăng ký theo QĐ 2288/QĐ-BGTVT

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến:TUYÊN QUANG - HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Sơn Tây

Mã số tuyển: 0108.1717.A, B

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam Hà Giang- QL2 -Tuyên Quang - Phú Thọ-Cầu Trung Hà - Bến xe khách Sơn Tây và ngược lại

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam Hà Giang - QL2 -Tuyên Quang - Việt Trì- Cầu Vãn Lang - Ba Vì - QL32 - Bến xe khách Sơn Tây và ngược lại

Hành trình C: Bến xe khách phía Nam Hà Giang - QL2 - Tuyên Quang - Đoan Hùng - Việt Trì - Vĩnh Yên - QL2 - ĐT 304 - QL2C - Cầu Vĩnh Thịnh - QL32 - QL21 - Bến xe Sơn Tây và ngược lại.

Cự ly tuyến: 260 km; (cả hai hành trình)

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng -30 chuyến/tháng (C)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

[illegible][illegible]

3	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30	12h55	05h30
---	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam, TP Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Yên Nghĩa

Mã số tuyến: 0108.1617.A;

Hành trình tuyến A:BX Phía Nam Hà Giang-QL2-QL32-Cầu Trung Hà- Sơn Tây- QL32-QL21A-Xuân Mai-QL6-BXK Yên Nghĩa và ngược lại

Cự ly tuyến: 310 km;

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00	11h00	04h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách TP Hải Dương

Mã số tuyến: 0831.1704.A

Hành trình tuyến: BXK phía Nam Hà Giang- QL2- Tuyên Quang- Phú Thọ- Vĩnh Phúc- QL3- Cầu Đuống- TP Hà Nội- QL5- Đường Quán Thánh- BX khách Hải Dương và ngược lại

Cự ly tuyến: 383 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG
Bến xe nơi đi:BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe huyện Kinh Môn
Mã số tuyến: 0831.1711.A

Hành trình tuyến: BX Kinh Môn - ĐT389A - QL17B - Cầu AnThái - QL5 - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa- Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - Caotúc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC8 - QL2 -BX Phía Nam Hà Giang

Cự ly tuyến: 400 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):60 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

....

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe huyện Hải Tân

Mã số tuyến: 0831.1707. A, B

Hành trình tuyến A: BX Hải Tân - QL38B - QL39 - QL5 - Cầu vượt Phú Thụy - QL38 - QL18 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL2 - BXK Phía Nam Hà Giang

Hành trình tuyến B: BXK phía Nam Hà Giang- Bắc Quang -QL2- Cao tốc (Nội Bài- Lào Cai) QL18-QL1- QL5- BX Hải Tân và ngược lại;

Cự ly tuyến: A,B 385 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng (A-B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):270 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30

.....

nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30	06h05	18h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

[illegible]

8	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45	18h50	6h45
---	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------	-------	------

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe huyện Thanh Hà

Mã số tuyến: 0831.1705.A, B, C

Hành trình tuyến A: BXK phía Nam, TP Hà Giang -QL2- Nút giao Phú Thọ - Cao tốc (Hà Nội - Lào Cai) - QL2- QL3- QL5- ĐT390- BX Thanh Hà và ngược lại;

Hành trình B: BX Thanh Hà - ĐT390 - Cầu Quang Thanh -ĐT304 - QL10 - Ngã ba Quý Cao - ĐT391 - TTTứ Kỳ - ĐT391 - Đường Thanh Niên kéo dài -Cầu vượt Tây Phú Lương - QL5 - Cầu ĐôngTrù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa -Đường Võ Văn Kiệt -Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC8 - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang

Hành trình C: BX Thanh Hà - ĐT390 - Cầu Quang Thanh -ĐT304 - QL10 - Ngã ba Quý Cao - ĐT391 - QL 37- Cầu Me- DDT396-ĐT 392-QL38B-TT Gia Lộc- Ngã tư Hải Tân- Đường Thanh Niên kéo dài -Cầu vượt Tây Phú Lương - QL5 - Cầu ĐôngTrù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa -Đường Võ Văn Kiệt -Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC8 - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang

Cự ly tuyến: 400 km A- 410 B-440 C

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng-60 chuyến B, 60-C

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):240 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
.....																														
Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi:B XK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe huyện Bến Trại

Mã số tuyến: 0831.1706.A

Hành trình tuyến: Bến xe Phía Nam TP Hà Giang- QL2- Cao tốc (Nội Bài- Lào Cai) - QL3- Cầu Đuống- Cầu Chui- QL5 - Ngã 3 Hoàng Long- Cầu Lộ Cương- Đường 62m- Ngã tư Gia Lộc- QL37 - Đường369- Bến xe Bến Trại và ngược lại;

Cự ly tuyến: 400 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):150 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

....

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến:TUYÊN QUANG - ĐẮK LẮK

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe Krông Bông

Mã số tuyến: 0866.1722. A,B

MST 3535

Hành trình tuyến A: B XK phía Nam Hà Giang - QL2-QL1-QL14B-QL14- Bến xe Krông Bông và ngược lại;

Hành trình tuyến B: Bến xe phía Nam Hà Giang - QL2-cao tốc Nội Bài Lào Cai- đường vành đai 3 trên cao - Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ - cao tốc Ninh Bình Hà Nội - Cao tốc Túy Loan - La Sơn - Cam Lộ- QL1A-QL14B- đường Hồ Chí Minh (QL 14 cũ)- đường Nguyễn Chí Thanh - đường Nguyễn Văn Cừ - QL27-ĐT 692 (TL12 cũ)- Bến xe Krông Bông và ngược lại;

Cự ly tuyến: 1.820 km và 1.800km

Tổng số chuyến xe/tháng: A-15; B-15 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): A-8 chuyến xe/tháng; B-4 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):18 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1			6h00			14h00		10h00			6h00		8h00					14h00		10h00			6h00		8h00						
2					8h00							10h00					8h00												10h00		

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1						10h00		14h00			8h00		6h00								10h00						8h00	14h00		
2			8h00										10h00				8h00													10h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến:TUYÊN QUANG - ĐẮK LẮK

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Ea Súp

Mã số tuyến: 0866.1718.A

Hành trình tuyến A: BXK phía Nam Hà Giang - QL2-QL1A-QL26-Đường Nguyễn Văn Cừ - Đường Nguyễn Chí Thanh - Đường tránh phía Tây TP BMT - ĐT697(TL1) - BX Ea Súp và ngược lại; (STT6318)

Cự ly tuyến: 1.850 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	
1																														

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 15
Đến

y 30
Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - ĐẮK LẮK

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe M' Đắc

Mã số tuyến: 0866.1724. A, B

Hành trình tuyến A: BXK phía Nam Hà Giang - QL2-QL1A-Đường HCM (QL14 cũ) - Đường Nguyễn Chí Thanh - Đường Nguyễn Văn Cừ - QL26- Bến xe M'Đắc và ngược lại; (STT 6319)

Hành trình tuyến B: Bến xe phía Nam Hà Giang - QL2- QL1A-QL26- Bến xe M'Đắc và ngược lại; (STT 6320)

Cự ly tuyến: 1.840 km và 1.800km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng (30 A, 30B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÂM ĐỒNG

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Quảng Khê

Mã số tuyến: 0868.1736.A

Hành trình tuyến A: BX Quảng Khê - QL28 - QL14 - QL1A - QL23 - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang

Cự ly tuyến: 1.666 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 3 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 27 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1				05h00			14h00																	05h00			14h00			

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
													05h00			14h00														

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG - LÂM ĐỒNG
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Cự Jút
Mã số tuyến: 0868.1735.A
Hành trình tuyến A: Bến xe phía Nam Hà Giang - QL2- QL23-QL1A-QL14-Bến xe Cự Jút và ngược lại;
Cự ly tuyến: 1.566 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 15 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÂM ĐỒNG

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe LT Đăk Nông

Mã số tuyến: 0868.1732.A

Hành trình tuyến A: BX Liên tỉnh Đăk Nông - QL14 - QL1A - QL23 - QL2 – BX Phía nam Hà Giang <A>

Cự ly tuyến: 1.666 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 15 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liền kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

--

y 15

Đến

--

y 30

Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HỒ CHÍ MINH

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Bình Dương

Mã số tuyển: 0879.1718. A,B, C

Hành trình tuyến: A) BX Phía Nam Hà Giang - QL1A - Ngã tư Bình Phước - QL13 - BX Bình Dương

Hành trình tuyến: B) BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - QL5 - Cầu Thanh trì - Đường vành đai 3 trên cao - Pháp Vân Cầu Giẽ - QL1A - Ngã tư Bình Phước - QL13 - BX Bình Dương

Hành trình C: BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL1A – Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ - Cao tốc Hà Nội Ninh Bình – QL1 – QL14 -QL14B – QL14D – QL14C - Kon Tum– Bình Phước – QL14 – ĐT 741 – Ngã 3 Cống Xanh – ĐT 747 - BXK Bình Dương và ngược lại

Cự ly tuyến: 2.100km

Tổng số chuyên xe/tháng: A-15;60 chuyên/tháng (B,C chia sẻ)

Tổng số chuyển xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyển xe/tháng): A-15 chuyển xe/tháng; B-15 chuyển/tháng

Tổng số chuyển xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyển xe/tháng): 45 chuyển/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1			17h00					22h00			17h00						22h00														
2			14h00	17h30					14h00	17h30					14h00	17h30					14h00	17h30						14h00	17h30		
3			16h00	22h00				16h00	22h00			16h00	22h00			16h00	22h00			16h00	22h00			16h00	22h00			16h00	22h00		

[illegible]

1	17h00							22h00						17h00						22h00									17h00								22h00					
2			14h00	17h30					14h00	17h30					14h00	17h30													14h00	17h30							14h00	17h30				
3	16h00	22h00			16h00	22h00				16h00	22h00				16h00	22h00					16h00	22h00					16h00	22h00									16h00	22h00				

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

ên tuyến: TUYÊN QUANG- ĐỒNG NAI

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BXK Đồng Nai

Mã số tuyến: 0875.1713.A,B,C MST 3540

Hành trình tuyến <A>: BXK phía nam Hà Giang - QL 2 - QL 1A-Ngã Tư Vững Tàu - Xa lộ Hà Nội -BXK Đồng Nai và ngược lại

Hành trình B: BXK phía nam Hà Giang - QL 2 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai-QL 1A- cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ- cao tốc Hà Nội Ninh Bình- QL1A - Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Phan Rang - QL27 - QL20- Ngã Tư Dầu Giây - QL1A - Công viên 30/4 - Xa lộ Hà Nội -BXK Đồng Nai và ngược lại

Hành trình C: BXK phía nam Hà Giang - QL 2 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai-QL 1A- cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ- cao tốc Hà Nội Ninh Bình- QL14B - ĐT741 -Ngã 3 Cổng xanh - DDT747 - Ngã 3 Tân Ba - DDT743- Đường Mỹ Phước - Tân Vạn - DDT743- Ngã 3 Tân Vạn - QL1A - Cầu Đồng Nai - Vòng xoay Ngã 4 Vững Tàu - Xa lộ Hà Nội -BXK Đồng Nai và ngược lại

Cự ly tuyến: 2300 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng (A) - 30 chuyến B - 60 chuyến/tháng C

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 9 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 141 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1	17h00					22h00							17h00						22h00					17h00							22h00
							17h00							2h45						17h00						2h45					

nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
	1							17h00							22h00					17h00							22h00			
2					17h00							2h45					17h00							2h45						

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: Tuyên Quang - Hồ Chí Minh
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BXK Ngã Tư Ga
Mã số tuyến: 0879.1716.A

Hành trình tuyến <A>: Bến xe Phía Nam Hà Giang - Quốc lộ 2 - Cao tốc Nội Bài
Cao tốc Hà Nội Ninh Bình – Quốc lộ 1 – Các tuyến cao tốc Bắc Nam - Quốc lộ 14 -
Tum - Bình Phước - ĐT 741 - ĐT 747 - Quốc lộ 1A - Bến xe Ngã Tư Ga và ngược lại

Cự ly tuyến: 2030 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 15chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 5 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 10 chuyến xe/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																	
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1					17h00						14h00						17h00	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
		14h00							17h00						14h00			

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo quy định
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra

Lào Cai – Quốc lộ 1 – Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ -
Quốc lộ 14B -Quốc lộ 14D - Quốc lộ 14C - Kon
ai

xe/tháng
/tên/tháng
phút/chuyển

ng tháng											
Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
					14h00	17h00					

Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
				17h00							14h00

yên tắc phân biệt màu:

n tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: Tuyên Quang - Hồ Chí Minh
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BXK Vũng Tàu
Mã số tuyến: 0879.1725.A

Hành trình tuyến <A>: BX Phía Nam Hà Giang- QL2- đường Võ Văn Kiệt- Đường Trường Sa- Đường Hoàng Sa- Cầu Đông Trù- QL5- cầu Thanh Trì- đường Vành Đai 3 trên cao- Cầu Giẽ - cao tốc Pháp Vân- Ninh Bình- QL1A- Đà Nẵng- QL14- QL14 (Bình Phước- Đắc Nông- Đắk Lắk- Gia Lai- Ngọc Hồi- Kon Tum- Quảng Nam- Thạch Mỹ)- QL13 - QL1A- Ngã 3 Vũng Tàu- QL51- đường Võ Nguyên Giáp- đường 3/2- đường Lê Hồng Phong- đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa- BXK Vũng Tàu và ngược lại;

Cự ly tuyến: 2300 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 14 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 46 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	17h30				17h30	15h15			17h30	15h15			17h30	15h15			17h30	15h15			17h30	15h15			17h30	15h15			17h30	15h15

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
	1			17h30	15h15			17h30	15h15			17h30	15h15			17h30	15h15			17h30	15h15			17h30	15h15				15h15	

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - BẮC NINH

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Bắc Ninh

Mã số tuyến: 0824.1711.A,B

Hành trình tuyến A: B XK phía Nam Hà Giang- QL2-QL37- TP Thái Nguyên- QL3-QL18- BX Bắc Ninh và ngược lại;

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam- QL2- Tuyên Quang (QL2)- Việt Trì - Phúc Yên - QL18 - cầu Bồ Sơn - đường Nguyễn Trãi- BX khách Bắc Ninh và ngược lại

Cự ly tuyến: 300 km và 290 km

Tổng số chuyến xe/tháng: A-120; B-120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): A-30 chuyến xe/tháng, 30B

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00
4	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00	07h15	20h00
4	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30	19h15	06h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG-BẮC NINH
Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Quế Võ
Mã số tuyến: 0824.1712.A

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam (Hà Giang)- QL2- Tuyên Quang (QL2)- Phú Thọ- Việt Trì - Phúc Yên- Bắc Thăng Long- Đông Anh (QL18)- Yên Phong- QL18- Bến xe khách Quế Võ và ngược lại;

Hành trình B: Bến xe Phía Nam Hà Giang – QL2 – Tuyên Quang – Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - đường Hồ Chí Minh – IC9 – Cao tốc Nội Bài Lào Cai – Bắc Thăng Long – đường 5 kéo dài – QL5 – QL17 – QL 38 – QL 1A – QL18 –Bến xe Quế Võ và ngược lại

Cự ly tuyến: 320km
Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng (A) - 60 chuyến/tháng (B)
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):90 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng A-60B
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30
2	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30	17h15	06h30
2	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00	08h15	19h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG-HẢI PHÒNG

Bên xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bên xe nơi đến:** Bên xe Vĩnh Niệm

Mã số tuyến: 0831.1701.

Hành trình tuyến A: Bên xe khách phía Nam- QL2- Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2- Đường Võ Văn Kiệt- đường Hoàng Sa- đường Trường Sa- cầu Đông Trù - đường Lý Sơn- Đường Nguyễn Văn Linh- QL5- QL10- đường Nguyễn Trường Tộ-Đường Bùi Viện- Bên xe Vĩnh Niệm và ngược lại;

Hành trình tuyến B: BX phía Nam TP Hà Giang - QL2 - Cao tốc Tuyên Quang,Phú Thọ - IC9 - IC3 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa – Cầu Đông Trù - Đường Lý Sơn - Đường Nguyễn Văn Linh - QL5 - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm và ngược lại

Hành trình tuyến C: BXK Hà Giang-Tuyên Quang- QL2- Sơn Dương (QL37)- Thái Nguyên (QL3 mới)-Phù Yên (QL3 mới)-Yên Phong (QL18)- Quế Võ (QL18)- Mạo Khê- Kinh Môn- Phú Thái-- Nguyễn Văn Linh- BXK Vĩnh Niệm và ngược lại;

Hành trình D: BXK phía Nam Hà Giang- QL2- Tuyên Quang- Đoan Hùng- Phù Ninh- Cao tốc Nội Bài Lào Cai- QL18- Quế Võ- Sao Đỏ- QL17- Nam Sách- Tiền Trung- QL5- BXK Vĩnh Niệm và ngược lại

Hành trình E: BXK phía Nam Hà Giang- QL2- Bắc Thăng Long - Nội Bài- Đường Võ Văn Kiệt- QL5 kéo dài- cầu Đông Trù - QL5 - Phố Nối (QL39)- TP Hưng Yên - Ngã 3 Tiên Lữ - cầu Chiêu Dương - QL39- Hưng Hà- Ngã 3 Đông Hưng Thái Bình- QL10- QL5- BXK Vĩnh Niệm và ngược lại (*QĐ 1215/QĐ-BGTVT ngày 05/07/2021 của Bộ GTVT*)

Hành trình F:BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện -Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10- Quán Toan - QL5 - Vĩnh Phúc -Việt trì - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang

Hành trình G :BX Phía Nam Hà Giang - QL2 -Tuyên Quang - QL2 - Cầu Đổng -Đường QL5 cũ - Hải Dương -QL37 - QL38 - QL391 - QL10 -Đường Nguyễn Trường Tộ - ĐườngBùi Viện - BX Vĩnh Niệm

Hành trình H: BX Phía Nam Hà Giang - TuyênQuang - QL2 - Sơn Dương (QL37)- Thái Nguyên (QL3 mới) - PhùYên (QL3 mới) - Yên Phong(QL18) - Quế Võ (QL18) - Mạo Khê - Kinh Môn - Phú Thái - QL5 -Quán Toan - QL10- Đường NguyễnTrường Tộ - Đường Bùi Viện -BXVĩnh Niệm

[illegible]

4	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15	09h45	06h15
5	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45	17h05	07h45
6	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10	18h05	19h10
7		18h30	18h25			18h30	18h25			18h30	18h25			18h30	18h25			18h30	18h25			18h30	18h25			18h30	18h25	
8	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15	19h05	20h15
9	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05	20h05	07h05

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Đồ Sơn

Mã số tuyến: 0831.1713.A

Hành trình tuyến: A-Bến xe khách phía Nam- QL2-QL37-QL3- Cao tốc Thái Nguyên Bắc Ninh-QL18-TL271-TL295-QL1A-QL18-QL5-BXK Đồ Sơn và ngược lại;

Hành trình B: BXK phía Nam - QL2- Đường Hoàng Sa- Đường Trường Sa- cầu Đông Trù- QL5- cầu An Đồng- đường Nguyễn Văn Linh- đường Võ Nguyên Giáp- cầu Rào 2- Đường Phạm Văn Đồng - BXK Đồ Sơn và ngược lại

Hành trình C: BXK phía Nam - QL2- Tuyên Quang - QL2 - Phú Thọ- Việt Trì - Vĩnh Phúc- đường Hoàng Sa- cầu Đông Trù - QL5- Quán Toan - QL10- đường Nguyễn Trường Tộ- đường tỉnh 351- cầu Kiến An- đường Phan Đăng Lưu- ngã 5 Kiến An- đường tỉnh 355- đường tỉnh 353- đường Lý Thánh Tông - BXK Đồ Sơn và ngược lại

Cự ly tuyến: 420km (A-B), 415km ©

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng (60 A- 30B - 60C)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30
2	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30	16h25	16h30
2	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10	18h45	18h10

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Tiên Lãng

Mã số tuyến: 0831.1715.A MS 9645

Hành trình tuyến: BXK phía Nam Hà Giang - QL2-QL2C-QL5-ĐT390-ĐT391-QL10-QL37-ĐT354-BXK Tiên Lãng và ngược lại

Cự ly tuyến: 370 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):45chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1		18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25			18h05	17h25		

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG-HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Kiến Thụy

Mã số tuyển: 0831.1714. A,B,C

Hành trình tuyến A: BXK phía Nam Hà Giang - QL2 - QL2C- Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL5- QL10- QL37- ĐT.354- ĐT.355- ĐT.353- ĐT.402 - BXK Kiến Thụy và ngược lại

Hành trình B: BX Kiến Thụy - ĐT402 - ĐT353 - ĐT355 – Ngã 5 Kiến An – đường Phan Đăng Lưu – cầu Kiến An – ĐT351 – đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 – Quán Toan – QL5 – Long Biên – cầu Đông Trù – đường Trường Sa – đường Hoàng Sa – đường Võ Văn Kiệt – Cao tốc Nội Bài, Lào Cai – Nút giao IC9 – Cao tốc Tuyên Quang, Phú Thọ - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang

Hành trình C: Bến xe Kiến Thụy – ĐT402 - ĐT353 - ĐT355 – Ngã 5 KiếnAn – đường Phan Đăng Lưu – cầu Kiến An – ĐT351 – đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 – Quán Toan – QL5 – cầu Đông Trù – đường Trường Sa – đường Hoàng Sa - đường Võ Văn Kiệt – Cao tốc Nội Bài Lào Cai – Nút giao IC9 - QL2 – Bến xe phía nam Hà Giang và ngược lại;

Cự ly tuyến: 420km - 450 km C

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng -60 chuyến/tháng (B) - 30 chuyến/tháng ©

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

[illegible]

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30	10h45	05h30
2	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30	07h45	17h30
3	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30	12h05	06h30
4	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30	18h25	07h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Vĩnh Bảo
Mã số tuyến: 0831.1703.A, B

Hành trình tuyến A: BXK phía Nam Hà Giang - QL2-Tuyên Quang- Phú Thọ- Vĩnh Phúc-Bắc Thăng Long- Cầu Đông Trù-QL5-Bến xe khách Vĩnh Bảo và ngược lại,

Hành trình tuyến B: BXK phía Nam Hà Giang - QL2-Tuyên Quang- QL2- Phù Ninh- Cao tốc Nội Bài Lào Cai- Bắc Thăng Long- Cầu Đông Trù- Cầu vượt đường 5- Cao tốc Hà Nội Hải Phòng-QL10-Bến xe khách Vĩnh Bảo và ngược lại,

Cự ly tuyến: 415 km
Tổng số chuyến xe/tháng: A-30 chuyến/tháng; B-30 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG-HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Cát Bà

MST 1291

Mã số tuyến: 0831.1717.A, B

Hành trình tuyến A: Bến xe phía nam Hà Giang- Quốc lộ 2- Việt Trì -Vĩnh Phúc – cầu Đông Trù– Quốc lộ 5– Cầu An Đồng- đường Nguyễn Văn Linh– ĐT 353– Cao tốc Hà Nội Hải Phòng– cầu Tân Vũ - BX Cát Bà và ngược lại

Hành trình B: BXK phía Nam Hà Giang- QL2 - Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - IC9 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - đường Võ Văn Kiệt - đường Hoàng Sa - cầu Đông Trù - Quốc lộ 5 - Cao tốc Hà Nội Hải Phòng - Cầu Tân Vũ - BXK Cát Bà và ngược lại

Cự ly tuyến: 450km A -420 km B

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng (90A- 30B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

[illegible][illegible]

4	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30	20h45	16h30
---	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - HẢI PHÒNG
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Thượng Lý
Mã số tuyến: 0831.1702.A, B

Hành trình tuyến A: BX Thượng Lý - đường Hùng Vương - QL5 - Cầu Đông Trù - đường Trường Sa - đường Hoàng Sa - đường Võ Văn Kiệt - cao tốc Nội Bài Lào Cai - cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - Tuyên Quang - QL2 - BXK phía Nam Hà Giang

Hành trình tuyến B: BXK phía Nam Hà Giang - QL2-Tuyên Quang- QL2- Phù Ninh- Cao tốc Nội Bài Lào Cai- Bắc Thăng Long- Cầu Đông Trù- Cầu vượt đường 5- Cao tốc Hà Nội Hải Phòng-QL10-Bến xe khách Thượng Lý và ngược lại,

Cự ly tuyến: 410 km
Tổng số chuyến xe/tháng: A-60 chuyến/tháng; B-45 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):90 chuyến/tháng (A-45; B-45)
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1		18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45			18h15	19h45	

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách phía Bắc Hải Phòng

Mã số tuyển: 0831.1712.A, B,C

Hành trình tuyến A : B XK phía Nam-QL2- Tuyên Quang- QL2- Bắc Thăng Long- cầu Đông Trù- cầu vượt đường 5- QL5- Quán Toan- QL10- BX phía Bắc Hải Phòng và ngược lại;

Hành trình tuyến B : BXK phía Nam-QL2- Bắc Thăng Long- QL18 - Bắc Ninh - QL1A- QL37-QL5- Quán Toan- QL10- BX phía Bắc Hải Phòng và ngược lại;

Hành trình C: BX Phía Bắc Hải Phòng – Đường 359C –đường Trần Hưng Đạo - Đường 9C –ĐT.359 – Đường 25 tháng 10 – QL.10 -Quán Toan – QL.5 - cầu Đông Trù –đường Trường Sa –đường Hoàng Sa –đường Võ Văn Kiệt – QL2 – Ngã ba Kim Anh – Cao tốc Nội Bài, Lào Cai – Nút giao IC9 – Cao tốc Tuyên Quang, Phú Thọ - QL2 – BXK phía Nam Hà Giang và ngược lại

Cự ly tuyến: 380 km A; 430 km B, 400 km C

Tổng số chuyến xe/tháng: 240 chuyến/tháng (150A-60B- 30 C)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyển xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyển xe/tháng): 240 chuyển/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

[illegible][illegible]

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HÙNG YÊN

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Kiên Xương

Mã số tuyển: 0833.1718.A,B

MST 1720

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam- QL2-Phú Thọ- Vĩnh Phúc- Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Lpng - Vành đai 3 trên cao (đoạn Cầu Thăng Long - Cầu Thanh Trì) - cầu Thanh Trì- QL5- Hưng Yên- Cầu Triều Dương- QL39- QL10- TL13- BX Kiến Xương và ngược lại;

Hành trình B: BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Tuyên Quang - Đoan Hùng - Phú Thọ - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - QL5 - Hưng Yên - Cầu Triều Dương - QL39 - QL10- đường tránh phía Nam thành phố Thái Bình - ĐT458 - BX Kiến Xương

Cự ly tuyến: 450 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng (15A- 15B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

VB số 4582/BGTVT-VT ngày 02/05/2024

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15			
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến		
1		18h00	18h40			18h00	18h40				18h00	18h40				18h00	18h40					18h00	18h40				18h00	18h40				18h00

[illegible]

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HÙNG YÊN

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Thái Thụy

Mã số tuyến: 0833.1715.A

Hành trình tuyến A : BXK phía Nam-QL2- Tuyên Quang- QL2- QL3- QL5- QL39- QL10- QL39- BX Thái Thụy và ngược lại;

Cự ly tuyến: 407km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45
2	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45	07h40	18h45
2	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00	20h10	06h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HÙNG YÊN
Bến xe nơi đi: B XK phía NamHà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xeTiền Hải
Mã số tuyến: 0833.1722.A, B, C

MST 1721

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam- QL2-QL3-QL5-QL39-QL10-TP Thái Bình-ĐT458-QL37B-BX Tiền Hải và ngược lại;

Hành trình (B): BX Tiền Hải-QL37B-ĐT 458- QL10-ĐT 391-QL5-QL1-QL18-QL2-QL2C-QL37-QL2- B XK phía Nam Hà Giang và ngược lại;

Hành trình C: BX Tiền Hải - QL37B - ĐT458 -Đường tránh phía nam thành phố Thái Bình - QL10 - QL39 - Cầu Triều Dương- Hùng Yên - QL5 - Cầu Đông Trù -Đường 5 kéo dài - Cao tốc Nội Bài LàoCai - Phú Thọ - Đoan Hùng - Tuyên Quang - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang

Cự ly tuyến: 407 km (A); 460km (B), 407 km (C)

Tổng số chuyến xe/tháng: 180 chuyến/tháng (60A-60B -60C)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 45 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 105 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15			
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến		
1	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			
2	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30			
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến		
1		17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00	18h40			17h00		
2	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15	19h40	18h15

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Nam Định

Mã số tuyến: 0837.1712.A

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam- QL2 - QL1A-QL21-QL10-đường Lê Đức Thọ (S2 cũ) -QL21-TL489-BX Nam Định và ngược lại;

Cự ly tuyến: 418 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng;

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 45chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00		

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00			13h00	04h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG- NINH BÌNH
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe Hải Hậu
Mã số tuyến: 0837.1715.A, B

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam- QL2- Phú Thọ- Vĩnh Phúc- Hà Nội- QL1- Nam Định- QL21- BX Hải Hậu và ngược lại;

Hành trình tuyến B: BXK phía Nam-QL2-Tuyên Quang- QL2- đường Võ Văn Kiệt -cầu Thăng Long- Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - cầu Thanh Trì)- Cầu Thanh Trì- QL5- QL39- Cầu Tân Đệ- QL10- QL21-BX Hải Hậu và ngược lại;

Cự ly tuyến: 450 km
Tổng số chuyến xe/tháng: A-120 chuyến/tháng; B-120 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 210 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25	18h15	17h25

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe huyện Giao Thủy

Mã số tuyến: 0837.1722.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL1A-QL21-QL21B-QL10- đường Lê Đức Thọ- QL21-TL489-BX Giao Thủy và ngược lại;

Cự ly tuyến: 455 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 180 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30
2	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30	18h30	16h30
2	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Nam Định

Mã số tuyến: 0837.17...A, B,C

Hành trình tuyến A: BX. Phía Nam, TP Hà Giang-QL2- Đường Vành đai 3 trên cao- Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ- Liêm Tuyên - QL2 QL10- Đ. Lê Đức Thọ- BX phía Nam, Nam Định và ngược lại.

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL2C- Cao tốc Nội Bài Lào Cai- Cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ Ninh Bình- Liêm Tuyên- QL21B- QL10- Đường Lê Đức Thọ- Bến xe TP Nam Định và ngược lại;

Hành trình tuyến C: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL2C- Cao tốc Nội Bài Lào Cai- Cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ Ninh Bình- QL21E QL10- Đường Lê Đức Thọ- Bến xe TP Nam Định và ngược lại;

Cự ly tuyến: B-400km & A-C:375km

Tổng số chuyến xe/tháng: A-120 chuyến/tháng; B-90 chuyến/tháng; C-120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

1B-

3-

y 15
Đến

y 30
Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Thịnh Long

Mã số tuyến: 0837.1716.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-QL2C- Cao tốc Nội Bài- Lào Cai- Cao tốc Pháp vân- Cầu Giẽ Ninh Bình-QL21B-QL10- I Lê Đức Thọ- BX Thịnh Long và ngược lại;

Cự ly tuyến: 465 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Đường

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Xuân Trường

Mã số tuyến: 0837.1726.A,B

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam- QL2-QL2C- cao tốc Lào Cai Nội Bài- cao tốc Pháp Vân- cầu Giẽ Ninh Bình- QL21 đường Lê Đức Thọ- QL21-TL489- BXK Xuân Trường và ngược lại

Hành trình B: Bến xe khách phía Nam- QL2-QL1A-QL21- QL21B- QL10- Đường Lê Đức Thọ-QL21- TL489- BXK Xuân Trường và ngược lại;

Cự ly tuyến: 430km; 445km

Tổng số chuyến xe/tháng: A-30 chuyến/tháng; B-150 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																										
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

B- QL10-

ig và ngược

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Trục Ninh

Mã số tuyến: 0837.1725.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- Tuyên Quang- Phú Thọ- Vĩnh Phúc- QL2- đường Võ Văn Kiệt -Cầu Thăng Long- Đường vành đai 3 trên cao (đoạn Cầu Thăng Long - Pháp Vân)- Pháp Vân- Cầu Giẽ- QL1A-QL21- QL21B- QL10- Đ Lê Đức Thọ- QL BX Trục Ninh và ngược lại;

Cự ly tuyến: 420 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30	17h15	17h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30		17h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

.21-

y 15
Đến
17h15

y 30
Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - NINH BÌNH
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe huyện Ý Yên
Mã số tuyến: 0837.1734.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL1A- QL21-QL37B (TL486 cũ)- QL38B (Đ.12)- BX Ý Yên và ngược lại;

Cự ly tuyến: 435 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 45 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1		5h00	19h30			5h00	19h30				5h00	19h30				5h00	19h30				5h00	19h30				5h00	19h30				5h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
	1	19h30			5h00	19h30			5h00	19h30			5h00	19h30			5h00	19h30			5h00	19h30			5h00	19h30			5h00	19h30	

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NINH BÌNH
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Quý Nhất
Mã số tuyến: 0827.1724.A

Hành trình tuyến A : Bến xe khách phía Nam Hà Giang- QL2- Tuyên Quang- Phú Thọ-Việt Trì-Vĩnh Phúc-QL2-Cầu Đông Trù- Võ Văn Kiệt kéo dài- Cầu Thanh Trì- Vành đai 3- Cao tốc (Ninh Bình- Pháp Vân, cầu Giẽ- QL21-QL10-đường Lê Đức Thọ-TL490C-đường Giây Nhất-Gạo- Bến xe Quý Nhất và ngược lại;

Cự ly tuyến: 400 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Kiệt- QL5
đường Chợ

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe Trung tâm Hòa Bình

Mã số tuyến: 0825.1713.A, B

Hành trình tuyến: (A) BX trung tâm Hòa Bình- đường Láng Hòa Lạc-Son Tây- Cầu Trung Hà - Cầu Phong Châu-Phú Thọ-Tuyên Quang-QL2- BX phía Nam Hà Giang và ngược lại;

Hành trình B: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL32 - ĐT419 - Đại lộ Thăng Long- QL21- Xuân Mai-QL6- BX Trung tâm Hòa Bình ngược lại;

Cự ly tuyến: 400 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
2	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
1	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30	08h00	19h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

và

y 15
Đến
08h00

y 30
08h00

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - PHÚ THỌ
Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Bình An
Mã số tuyến: 0825.1715.A,B;
Hành trình tuyến: (A) Bến xe khách phía Nam- QL2- Tuyên Quang- Phú Thọ- Cầu Phong Châu- Cầu Trung Hà- Sơn Tây- Thạch Thất - Đường
Hòa Lạc- BX Bình An và ngược lại;
Hành trình (B): BX khách phía Nam- QL2-TL 320- QL32- BX Bình An và ngược lại.
Cự ly tuyến: 385 km A-380KM B
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng A, 60 chuyến/tháng B
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

ờng Láng

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - QUẢNG NINH

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe Bãi Cháy

Mã số tuyến: 0822.1711.A

Hành trình tuyến: BX khách phía Nam - QL2 - Tuyên Quang - (QL2) - Đoan Hùng - Việt Trì - Vĩnh Phúc - QL18 - Bắc Ninh - Sao Đỏ - Ph
Triều - Uông Bí - BXK Bãi cháy và ngược lại;

Cự ly tuyến: 410 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

ả Lại - Đông

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG-QUẢNG NINH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Cẩm Hải

Mã số tuyến: 0822.1727.A, B

Hành trình tuyến (A): Bến xe khách phía Nam-QL2- Phú Thọ- Cao tốc Nội Bài Lào Cai- QL1- Bắc Ninh - Sao Đỏ- Uông Bí-QL18- I Cẩm Hải và ngược lại.

Hành trình tuyến (B): Bến xe khách phía Nam-QL2- Cao tốc (Nội Bài- Lào Cai)- QL1- Cao tốc Hải Phòng- Hà Nội- Hạ Long)-QL18- xe Cẩm Hải và ngược lại.

Cự ly tuyến: 480km A, 470 KM B

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng (A)-60 chuyến B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 210 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

3ển xe

- Bến

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG- QUẢNG NINH

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Đông Triều

Mã số tuyến: 0822.1728.A

Hành trình tuyến A : B XK Đông Triều- QL18-QL1-Cao tốc Nội Bài Thái Nguyên-QL3-QL37-Cầu An Hòa-Tuyên Quang-QL2-B XK phía Na và ngược lại;

Cự ly tuyến: 350 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liền kề (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1																													

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1																													

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

m

y 15
Đến

y 30
Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - QUẢNG NINH

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Cái Ròng

Mã số tuyển: 0822.1713.A, B, C

Hành trình tuyến A : Bến xe khách phía Nam - QL2 - QL37 - QL3 - Cao tốc Hà Nội Thái Nguyên - QL1 - Bắc Ninh - Sao đỏ - Uông Bí - QL 18 - BXX Cái Rồng và ngược lại; Theo VB số 7865/BGTVT-VT ngày 12/8/2020

Hành trình tuyến B : Bến xe khách phía Nam - QL2- Đoan Hùng- Việt Trì- Vĩnh Phúc - QL18 - QL1 - Sao đỏ - Uông Bí - QL 18 - BXK Cái Rồng và ngược lại;

Hành trình C: BXK phía Nam Hà Giang - QL2 - Tuyên Quang - Cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL18 - QL1 - Sao Đỏ - Uông Bí- QL18 - BXK Cái Rồng và ngược lại

Cự ly tuyến: 480 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 330 chuyến/tháng (180A-120B- 30C)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):150 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

[illegible][illegible]

4	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30	17h00	15h30
5	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30	18h00	16h30
6	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30	18h30	07h30
7	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30	19h00	17h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - QUẢNG NINH

Bến xe nơi đi: BXK phía Na Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Cẩm Phả

Mã số tuyến: 0822.1714.A, B

Hành trình tuyến A : Bến xe Trung tâm Cẩm Phả – QL 18 – Uông Bí – QL10 – Quán Toan – QL 5 – cầu Đông Trù – QL 5 kéo dài –

Trường Sa –đường Võ Văn Kiệt – QL 2 – Vĩnh Yên – Phú Thọ - QL 2 - bến xe Phía Nam và ngược lại;

Hành trình B : BX Trung tâm Cẩm Phả - QL18 - Cao Tốc (Hải Phòng - Hà Nội - Hạ Long) - QL1 - Cao Tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL
Phía Nam Hà Giang

Cự ly tuyến: 480km; 470km(A)

Tổng số chuyến xe/tháng: B-30 chuyến/tháng ; A-60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

- đường

.2 - BX

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - QUẢNG NINH

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Tiên Yên

Mã số tuyến: 0822.1721.A và 0822.1721.B

Hành trình tuyến A : BXK phía Nam Hà Giang - QL2 - QL18- ĐT 334 - Đại lộ Vân Yên và ngược lại

Hành trình tuyến B : BXK phía Nam Hà Giang - QL2 - QL37 - Cao tốc Thái Nguyên 334 - Đại lộ Vân Đồn - cao tốc Hải Phòng Móng Cái - QL4B - QL18 - BXK Tiên Yên

Cự ly tuyến: A- 630 km và B-630 km

Tổng số chuyến xe/tháng: A-60 chuyến/tháng; B- 60 chuyến/tháng.

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): A-60 chu
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo ng

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang k

KE

Đồn - cao tốc Hải Phòng Móng Cái - QL4B - QL18 - BXXK Tiên

n - nút giao Yên Bình - Vành đai 5 - QL37 - cầu Đình Trám - ĐT
l và ngược lại

/tháng
yến/tháng; B-60 chuyến/tháng
30 phút/chuyến

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

guyên tắc phân biệt màu:

iểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - QUẢNG NINH
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Móng Cái
Mã số tuyến: 0822.1712.A,B

Hành trình tuyến A : BXK phía Nam-QL2- Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai)- QL1- Bắc Ninh- Sao đỏ- Uông Bí- QL18- BX Móng Cái và ngược lại;

Hành trình tuyến B : BXK phía Nam-QL2- Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai)- QL1- Cao tốc (Hà Nội- Hải Phòng- Hạ Long)- QL18- BX Móng Cái và ngược lại;

Cự ly tuyến: A- 600 km và B-610 km
Tổng số chuyến xe/tháng: A-150 chuyến/tháng; B- 60 chuyến/tháng.
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): A-90 chuyến/tháng; B-60 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15			
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến		
1	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	
2	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00	16h00
2	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30	17h30	14h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -THÁI NGUYÊN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Đại Từ

Mã số tuyến: 0819.1217.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL37- BX Đại Từ và ngược lại

Cự ly tuyến: 210km

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 150 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -THÁI NGUYÊN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Phố Yên

Mã số tuyến: 0819.1715.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL37-QL3- Bến xe Phố Yên và ngược lại.

Cự ly tuyến: 235km

Tổng số chuyến xe/tháng: 210 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 210 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -THÁI NGUYÊN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Đình Cả

Mã số tuyến: 0819.1714.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL37- QL1B- Bến xe Đình Cả và ngược lại

Cự ly tuyến: 270km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - THÁI NGUYÊN

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BXK Trung tâm TP Thái Nguyên

Mã số tuyến: 0819.1711.A

Hành trình tuyến: BX phía Nam Hà Giang - QL2 - Tuyên Quang - Sơn Dương - QL37 Đại Từ - QL3 ngã ba bờ đậu - BX Trung tâm TP

Cự ly tuyến: 239 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 720 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):195 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 525 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30
2		11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00
3	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00	
4		17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20
5	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15
6	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00
7	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20
8	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30	05h00	16h30
2	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00			11h00	07h00	
3		09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30	09h00			09h30
4	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00			17h20	10h00	
5	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15	11h00	08h15
6	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00	12h00	06h00
7	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20	13h00	05h20
8	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30	16h00	07h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - THÁI NGUYÊN
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BXK Định Hóa
Mã số tuyến: 0819.1713.A

Hành trình tuyến: BX phía Nam Hà Giang - QL2 - QL37- QL3- QL3C- BX Định Hóa, Thái Nguyên và ngược lại <A>;

Cự ly tuyến: 265 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - THANH HÓA

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** BXK Phía Bắc (Thanh Hóa)

Mã số tuyển: 0838.1705.A, B,C

MST 3519

Hành trình tuyến A: BX khách phía Nam- QL2 - Tuyên Quang - đường Võ Văn Kiệt- đường Hoàng Sa - đường Trường Sa - cầu Đông Trù - cầu vượt nút giao cầu Chui - Nguyễn Văn Linh - QL5 - Nút giao QL5 và QL1 - Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ - Phủ Lý - cầu vượt Nam Định- BX phía Bắc Thanh Hóa và ngược lại. (VB 13223/BGTVT-VT ngày 21/11/2023)

Hành trình tuyến B: BXK phía Nam Hà Giang - QL2 - Tuyên Quang - Việt Trì- Vĩnh Phúc- Huyện Vĩnh Tường- Tỉnh lộ 304- cầu Vĩnh Thịnh Sơn Tây - QL32- Đường Hồ Tùng Mậu Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch- Pháp Vân)- Pháp Vân- Đồng Văn-Phủ lý- QL21-Cầu vượt Nam Định- QL1- BX phía Bắc Thanh Hóa và ngược lại.

Hành trình C: BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - IC9 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - Cầu vượt nút giao Cầu Chui - Nguyễn Văn Linh - QL5 - Nút Giao QL5 và QL1 - Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ - Phủ Lý - Hà Nam - QL1A - Ninh Bình - QL1A - Tam Điệp - QL1A - Cầu Hoàng Long - BX Phía Bắc TP Thanh Hóa

Cự ly tuyến: 470 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng (chia sẻ lưu lượng 3 hành trình)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

[illegible]

2	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00
3	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00	07h40	18h00
1	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00	20h10	17h00
2	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00	19h40	16h00
3	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00	20h40	07h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - THANH HÓA
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BXK Cửa Đạt (Thanh Hóa)
Mã số tuyến: 0838.1721.A

Hành trình tuyến A: BX Phía Nam Hà Giang - QL2 -Tuyên Quang - Phú Thọ - Phúc Yên - QL2 - đường Võ Văn Kiệt - đường Hoàng Sa - Cầu Trường Sa - Cầu Đông Trù - QL5 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 - Pháp Vân - Cầu Giẽ - QL1 - QL47 - BX Cửa Đạt và ngược lại.

Cự ly tuyến: 540 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

đường

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BXK Trung tâm Lào Cai
Mã số tuyến: 0815.1711. A, B

Hành trình tuyến <A>: Bến xe khách phía Nam- QL2- Vị Xuyên- QL279-QL70- Cầu Cốc Lếu- đường Nhạc Sơn- Cầu Kim Tân- đường Lê
đường Phú Thịnh- Đại lộ Trần Hưng Đạo - Bến xe Trung tâm Lào Cai và ngược lại

Hành trình tuyến : Bến xe khách phía Nam- QL2- Bắc Quang- Vĩnh Tuy- Đồng Yên- Lục Yên-ĐT152- Khánh Hòa- QL70- Cầu Cốc L
Nhạc Sơn- Cầu Kim Tân- đường Lê Thanh- đường Phú Thịnh- Đại lộ Trần Hưng Đạo - Bến xe Trung tâm Lào Cai và ngược lại

Cự ly tuyến: A-210km; B-230 km
Tổng số chuyến xe/tháng: A-180 chuyến/tháng ; B-180chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến/tháng (A); B-180 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liền kề (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Thanh-

ều- đường

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyên: HÀ GIANG -LÀO CAI

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** B XK KHBĐX thị xã Sa Pa

Mã số tuyến: 0815.1713. A, B

Hành trình tuyến A : BXK phía Nam Hà Giang- QL2-Vị Xuyên- QL279- QL70- QL4D- BXK KHBĐX thị xã Sa Pa và ngược lại;

Hành trình tuyến B : BXK phía Nam Hà Giang- QL2-Bắc Quang- Vĩnh Tuy- Đồng Yên- Lục Yên-Khánh Hòa-QL70 - QL4D- BXK KHBĐX thị xã Sa Pa và ngược lại;

Cự ly tuyến: 250km và 280km

Tổng số chuyến xe/tháng: A -390 chuyến/tháng; B-60chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 249 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 201 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

[illegible][illegible]

2	14h30	08h30			14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30			14h30	08h30	14h30	08h30		
3	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00	09h00	17h00
4	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30	10h00	19h30
5	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30	06h30	16h30
6	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00	15h30	07h00
7		20h30	16h30			20h30	16h30			20h30	16h30			20h30	16h30			20h30	16h30			20h30	16h30			20h30	16h30			20h30
9	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15	18h00	11h15
10	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00	20h00	10h00

Ghi chú: Những chuyên xe (gôm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BXK Bắc Hà

Mã số tuyến: 0815.1716.A, B

Hành trình tuyến <A>: Bến xe khách phía Nam- QL2- Vị Xuyên- QL279- Quang Bình - TL178 - Xín Mần - QL4 - TL159 - BX Bắc ngược lại; (STT 6313)

Hành trình B: BXK phía Nam Hà Giang - QL2- Vị Xuyên- Tân Quang - Thông Nguyên - Hoàng Su Phì - Xín Mần- QL4-TL159- BX Hà và ngược lại

Cự ly tuyến: 190 km A, 220 Km B

Tổng số chuyến xe/tháng: A-60 chuyến/tháng; B-60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Hà và

ƯK Bắc

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -THỪA THIÊN HUẾ

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe khách phía Bắc Huế

Mã số tuyến: 0846.1711.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam-QL2-QL1-QL10-QL1A-QL90- BXK phía Bắc thành phố Huế và ngược lại.

Cự ly tuyến: 960 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày dương lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG- ĐÀ NẴNG

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BX Trung tâm Đà Nẵng

Mã số tuyến: 0848.1711.A

Hành trình tuyến: B XK Phía Nam Hà Giang - QL1A- Hàm đèo Hải Vân - Tạ Quang Bửu-Nguyễn Văn Cừ- Tôn Đức Thắng -BX Tr Đà Nẵng và ngược lại.

Cự ly tuyến: 1.080 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

ung tâm

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG- QUẢNG TRỊ

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BX Đồng Hới

Mã số tuyến: 0844.1711.A

Hành trình tuyến: BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - QL 1 - BX Đồng Hới - và ngược lại.

Cự ly tuyến: 800 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 15
Đến

y 30
Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - HƯNG YÊN

Bến xe nơi đi:BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BX Hưng Yên

Mã số tuyến: 0833.1711.A

Hành trình tuyến: BX Phía Nam Hà Giang - QL 2 - QL 5- QL 39-BX Hưng Yên- và ngược lại. (BX Phía Nam Hà Giang - QL 2 - đường Đường Trường Sa-Đường Hoàng Sa-Cầu Đông Trù-QL 5- QL 39-BX Hưng Yên- và ngược lại.)

Cự ly tuyến: 390 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Võ Văn Kiệt-

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -HÙNG YÊN

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Triều Dương

Mã số tuyến: 0833.1721.A

Hành trình tuyến A : BXK phía Nam Hà Giang- QL2- Đại lộ Võ Nguyên Giáp- Cầu Đông Trù- Phố Nối- QL39- BX Triều Dương và ngược lại

Cự ly tuyến: 390 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

ợc lại;

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe phía Bắc TP Vinh

Mã số tuyến: 0840.1725.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- Tuyên Quang - Đoan Hùng - Phù Ninh - cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút giao IC01- Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - Võ Văn Kiệt - đường Hoàng Sa- đường Trường Sa- cầu Đông Trù- cầu Vượt nút giao cầu Chui- Nguyễn Văn Linh - QL5- Nút giao QL5 và QL1 - Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ - cao Bồ - QL1- Bến xe phía Bắc TP Vinh và ngược lại; (VB 13223/BGTVT-VT ngày 21/11/2023)

Cự ly tuyến: 610km

Tổng số chuyến xe/tháng: 610 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 550 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00
2	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00	17h10	14h00
2	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30	19h10	15h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NGHỆ AN
Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe phía Đông TP Vinh
Mã số tuyến: 0840.1728.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa- Đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - QL5-Thanh Trì- Vành đai 3 trên cao - Pháp Vân - QL1- QL1A- QL46-BX Phía Đông TP Vinh (STT6317)

Cự ly tuyến: 610km
Tổng số chuyến xe/tháng: 300 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 300 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																							
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Cầu

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Yên Thành

Mã số tuyến: 0840.1731.A

Hành trình tuyến: BX Quỳnh Lưu - QL1A - Pháp Vân - Vành Đai 3 trên cao - Cầu 7
Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang và ngược lại

Cự ly tuyến: 540km

Tổng số chuyến xe/tháng: 200 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 200 chuyến xe

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch																	
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến)

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác

Thanh Trì - QL5 - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa -
;

30 phút/tháng
30 phút/tháng
30 phút/chuyến

trong tháng													
Ngày 9	Ngày 10			Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ngày 24	Ngày 25			Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

ên) theo nguyên tắc phân biệt màu:

Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Yên Thành

Mã số tuyến: 0840.1733.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL1A- Đường Võ Văn Kiệt- Đường Hoàng Sa- Đường Trường Sa- Cầu Đông Trĩ- Cầu Thanh Trì- Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Pháp Vân- Cầu Thanh Trì)- Pháp Vân Cầu Giẽ- QL1A- QL7- BX Yên Thành và 1 <A>;

Cự ly tuyến: 610km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

rù- QL5-
ngược lại

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Miền Trung- TP Vinh

Mã số tuyến: 0840.17266.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-đường Võ Văn Kiệt-đường Hoàng Sa- đường Trường Sa-cầu Đông Trù-QL5- Cầu Thanh đai 3 trên cao - Pháp Vân - QL1- QL1A-QL46-Bến xe Miền Trung TP Vinh và ngược lại;

Cự ly tuyến: 610km

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 150 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

1 Trì - Vành

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Nghĩa Đàn

Mã số tuyến: 0840.1714.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-đường Võ Văn Kiệt-đường Hoàng Sa- đường Trường Sa- Cầu Đông Trù- QL5-cầu Than đai 3 trên cao-Pháp Vân-QL1-QL1A-QL48-BX Nghĩa Đàn và ngược lại;

Cự ly tuyến: 610km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

h Trì-Vành

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Đô Lương

MST 3523

Mã số tuyến: 0840.1715.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-đường Võ Văn Kiệt-đường Hoàng Sa- đường Trường Sa-cầu Đông Trù-QL5-cầu Thanh 3 trên cao-Pháp Vân-QL1-QL1A-QL7-BX Đô Lương và ngược lại;

Cự ly tuyến: 610km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Trì-Vành đai

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG -NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Nam Đàn

Mã số tuyến: 0840.1716.A, B

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-đường Võ Văn Kiệt-đường Hoàng Sa- đường Trường Sa-cầu Đông Trù-QL5-cầu Thanh Trì-Vành đai 3 trên cao-Pháp Vân-QL1-QL1A-QL46-BX Nam Đàn và ngược lại;

Hành trình B: BXK phía Nam Hà Giang - QL2 - Phú Thọ - QL32 - Sơn Tây - QL21A - ĐT.479 - ĐT.477C - QL1 - QL46 - BXK Nam Đàn và ngược lại;

Cự ly tuyến: 610km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng A- 15 B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng A

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10		

Nốt(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10			16h00	15h10		

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG -NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Con Cuông

Mã số tuyến: 0840.1719.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-đường Võ Văn Kiệt-đường Trường Sa- đường Hoàng Sa-QL5-cầu Thanh Trì-Vành đai 3 Pháp Vân-QL1-QL1A-QL7-BX Con Cuông và ngược lại;

Cự ly tuyến: 610km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

trên cao-

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG-NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Qùy Hợp

MST 3527

Mã số tuyến: 0840.17121.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-đường Võ Văn Kiệt-đường Trường Sa- đường Hoàng Sa-QL5-cầu Thanh Trì-Vành đai 3 Pháp Vân-QL1-QL1A-QL48-QL48C- BX Qùy Hợp và ngược lại

Cự ly tuyến: 610km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

trên cao-

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NGHỆ AN
Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Tân Kỳ
Mã số tuyến: 0840.1718.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-đường Võ Văn Kiệt-đường Trường Sa- đường Hoàng Sa-QL5-cầu Thanh Trì-Vành đai 3 Pháp Vân-QL1-QL1A-QL7- QL15- BX Tân Kỳ và ngược lại;

Cự ly tuyến: 610km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

trên cao-

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG -NGHỆ AN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Cửa Lò

Mã số tuyến: 0840.1713.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2-đường Võ Văn Kiệt-đường Trường Sa- đường Hoàng Sa-QL5-cầu Thanh Trì-Vành đai 3 Pháp Vân-QL1-QL1A-QL46-BX Cửa Lò và ngược lại;

Cự ly tuyến: 610km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

trên cao-

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG-HÀ TỈNH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Hà Tĩnh

Mã số tuyến: 0842.1711.A, B MST 3532

Hành trình tuyến A: BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Cầu Trung Hà - QL32 - Sơn Tây - Xuân Mai - Đường Hồ Chí Minh - QL15 - QL46 - đường tránh TP Hà Tĩnh - BX Hà Tĩnh và ngược lại.

Hành trình tuyến B: BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - đường Võ Văn Kiệt - QL5 kéo dài - đường Hoàng Sa - đường Trường Sa- cầu Đông Nguyễn Văn Linh- đường dẫn Cầu Thanh Trì - Cầu Thanh Trì - QL1- Quảng Xương - Tĩnh Gia- ngã ba Yên Lý - Nghĩa Đàn - Tân Kỳ - Đô Lương - Thanh Chương - B XK Hà Tĩnh và ngược lại

Cự ly tuyến: 700km (A), 750 km (B)

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng (A) - 30 chuyến/tháng (B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

QL1 - QL1

Trù - đường
Lương -

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -SƠN LA

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Hồng Tiên

Mã số tuyến: 0814.1714.A

Hành trình tuyến: BX Hồng Tiên-QL279D-Huội Quảng-QL279-QL32-QL279-QL2-BXK phía Nam TP Hà Giang và ngược lại;

Cự ly tuyến: 334 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -SƠN LA

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe TP Sơn La

Mã số tuyến: 0814.1762.A

Hành trình tuyến: BX Cò Nòi - QL6-QL37- TT Phù Yên - QL37- QL2 -BXK phía Nam TP Hà Giang và ngược lại;

Cự ly tuyến: 375 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG-SƠN LA

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe TP Sơn La

Mã số tuyến: 0814.1711.A

Hành trình tuyến: BX Sơn La-QL6-TP Hòa Bình- Cao tốc Hòa Lạc-Hòa Bình-QL21-Sơn Tây-QL32-QL32C-TT Phong Châu-QL2-BXK ph
Nam Hà Giang và ngược lại;

Cự ly tuyến: 548 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 420 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 420 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

úa

y 15
Đến

y 30
Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -CAO BẰNG

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe TP Cao Bằng

Mã số tuyến: 0408.1817.A, B

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam -QL2-QL37- QL1-QL3- Bến xe thành phố Cao Bằng và ngược lại;

B: BXK phía Nam Hà Giang- QL2 (Đường Nguyễn Trãi)- QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - rẽ phải đường 3/2 - QL.34-Minh Ngọc – TT Yên Phú, huyện Bắc Mê – TT. Bảo Lâm – TT.Bảo Lạc – TT.Tĩnh Túc - TT.Nguyên Bình – QL.34 - rẽ trái theo QL3 - BXK liên tỉnh TP Cao Bằng và ngược lại

Cự ly tuyến: 404 km - 260km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng A- 90B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10
2	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10	08h55	08h10
2	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10	07h55	17h10

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG- CAO BẰNG STT 2427
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Bảo Lâm
Mã số tuyến: 0408.2117.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam thành phố (thôn Cầu Mè)- Quốc lộ 2 (Đường Nguyễn Trãi)- QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - rẽ phải đường 3/2 - QL.34- Minh Ngọc- Thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê- BXK huyện Bảo Lâm (Cao Bằng) và ngược lại

Cự ly tuyến: 80 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):120 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00
2	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00
3	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00
4	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00	04h55	13h00
2	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00	06h55	12h00
3	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00	10h55	05h00
4	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50	16h55	05h50

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - BẮC NINH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: BQL các BXKBắc Giang

Mã số tuyến: 0824.1720.A, B

Hành trình tuyến (A): Bến xe khách phía Nam Hà Giang- QL2-Tuyên Quang-Phú Thọ- Cao tốc Nội Bài Lào Cai -QL18-Cao tốc Hà Nội Bắc Giang- QL17-ĐT295B-đường Thân Nhân Chung - Đường Xương Giang- Bến xe Bắc Giang và ngược lại;

Hành trình (B): Bến xe khách phía Nam TP Hà Giang-QL37-QL1A- QL17-ĐT295B- Bến xe Bắc Giang và ngược lại;

Cự ly tuyến (A): 370 km; Cự ly tuyến (B): 350 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 420 chuyến/tháng (270A-180B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):270 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50
2	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50
3	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20
4	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20
5	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50
6	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20
7	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50
8	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50
9	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20

10	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	Ngày 24	Ngày 25	Ngày 26	Ngày 27	Ngày 28	Ngày 29	Ngày 30
----	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------

(tàu)	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45	05h50	18h45
2	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45	07h50	16h45
3	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45	09h20	19h45
4	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15	10h20	19h15
5	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45	10h50	20h45
6	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00	15h20	06h00
7	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00	18h50	07h00
8	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30	19h50	07h30
9	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00	20h20	18h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

l

y 15
Dén
18h45
16h45
19h45
19h15
20h45
06h00
07h00
07h30
18h00

y 30

Đến
18h45
16h45
19h45
19h15
20h45
06h00
07h00
07h30
18h00

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - BẮC NINH

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Cầu Gồ

Mã số tuyến: 0824.1721.A

Hành trình tuyến A : Bến xe khách phía Nam- QL2- QL37-QL1A- QL17-Bến xe khách Cầu Gồ và ngược lại;

Cự ly tuyến (A): 400 km;

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - BẮC NINH
Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Lục Ngạn
Mã số tuyến: 0824.1714.A
Hành trình tuyến A : B XK phía Nam Hà Giang - QL2 - Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ
Cự ly tuyến (A): 341 km;
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/t
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/thá
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/

Nốt(tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong th																		
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngà
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00
2	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30

Nốt(t ài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngà
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00
2	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra

- Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL18 - QL1A

háng
ing
chuyên

háng										
y 10	Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00
07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00

y 25	Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00	06h00	19h00
07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00	17h30	07h00

ic phân biệt màu:

Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG - BẮC NINH
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe Lục Nam
Mã số tuyến: 0824.1719.A

Hành trình tuyến A : Bến xe Lục Nam-QL31-TT Đồi Ngô-QL37-ĐT 293- Big C Bắc Giang-QL1A-đường cao tốc Nội Bài, Lào Cai-QL18-ĐCT05-QL2- BXK Phía Nam và ngược lại;
Cự ly tuyến (A): 345 km;
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45	06h15	17h45

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - LẠNG SƠN
STT 9445
Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Hữu Lũng
Mã số tuyến: 0820.1720. A

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL37- Cao tốc Nội Bài Thái Nguyên (QL3 mới)- QL18 - QL1A- Bến xe khách Hữu Lũng và ngược lại <A>;

Cự ly tuyến: 354 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00	09h25	06h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LẠNG SƠN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Phía Bắc TP Lạng Sơn

Mã số tuyến: 0820.1716 A

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL37- Cao tốc Hà Nội Thái Nguyên (QL3 mới)- QL18 - QL1A- Bến xe khách phía Bắc Lạng Sơn và ngược lại <A>;

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam Hà Giang- QL2-Tuyên Quang-Thái Nguyên-QL37-QL1-Bến xe khách phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn và ngược lại ;

Cự ly tuyến: A-450km;B-370 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25
	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25
3	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25	16h40	06h25
2	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25	18h00	07h25
3	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25	05h30	17h25

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

h

l

y 15
Đến
16h40
18h00
05h30

y 30
Đến
16h40
18h00
05h30

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG - LẠNG SƠN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Phía Nam TP Lạng Sơn

Mã số tuyến: 0820.1711.A, B;

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam- QL2- Tuyên Quang-QL2- QL37- QL3- QL1B- Bến xe khách phía Nam TP Lạng Sơn và ngược lại;

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam- QL2- Tuyên Quang-QL2- QL37-QL1- Bến xe khách phía Nam TP Lạng Sơn và ngược lại;

Hành trình tuyến C Bến xe khách phía Nam- QL2- QL37-QL1B-QL1A- Bến xe khách phía Nam TP Lạng Sơn và ngược lại;

Cự ly tuyến:A-440km; B-440km; C-380km

Tổng số chuyến xe/tháng: A-120 chuyến/tháng ; B-120 chuyến/tháng; C-150 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 270 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

lớn và ngược

ngược lại;

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LẠNG SƠN

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe Trạm trung chuyển HKQT tại cửa khẩu Hữu Nghị

Mã số tuyến: 0820.1719. A

Hành trình tuyến A: BXK phía Nam Hà Giang - QL2- QL37-QL3 (cũ)- QL1 (cũ)- QL1 (mới)- Bến xe trạm trung chuyển hành khách quốc khẩu Hữu Nghị và ngược lại.

Cự ly tuyến: 390 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

ổ tế tại cửa

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Yên Bái

Mã số tuyến: 0815.1712. A, B

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam-QL2- QL279- QL70- BX Yên Bái và ngược lại;

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam-QL2- Tuyên Quang- Đoan Hùng- QL70- BX Yên Bái và ngược lại;

Cự ly tuyến: 210 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40
2	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40	14h05	06h40
2	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00	06h00	13h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 15
Đến
14h05
06h00

y 30
Đến
14h05
06h00

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI
Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Nghĩa Lộ
Mã số tuyến: 0815.1715.A

Hành trình tuyến A: BX Nghĩa Lộ-QL32-QL37-My-TL172 (Hợp Minh-My)-Vân Hội-Đường Âu Cơ-QL37-QL2- Bến xe khách phía Nam

Cự ly tuyến: 260 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

1 và ngược lại;

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG - LÀO CAI

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Mù Căng Chải

Mã số tuyến: 0815.1726.A

Hành trình tuyến A: BX Mù Căng Chải-QL32-QL279-QL2- Bến xe khách phía Nam và ngược lại;

Cự ly tuyến: 269 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách huyện Lục Yên
Mã số tuyến: 0815.1720.A
Hành trình tuyến A : BXK phía Nam-QL2- Vĩnh Tuy- Đồng Yên- Bến xe khách huyện Lục Yên và ngược lại;
Cự ly tuyến: 130km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 20 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):70 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15	06h10	11h15																				

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -ĐIỆN BIÊN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe TP Điện Biên

Mã số tuyến: 0811.1711.A

MS 3491

Hành trình tuyến: (A) Bến xe khách phía Nam-QL2- TP Việt Trì-QL2-Đồng Văn-QL2C-Cầu Vĩnh Thịnh-QL2C-Đường Lâm-QL21-Xuân Mai-QL6-Tuần Giáo-QL279- Bến xe khách Điện Biên và ngược lại.

Hành trình tuyến: (B) BX TP Điện Biên Phủ - QL12 - QL279 -Tuần Giáo - QL6 - Sơn La - Hòa Bình -Cao tốc (Hòa Lạc - Hòa Bình) - ĐT87 -ĐT87A - QL21A - QL2C - ĐT303 -ĐT310B - ĐT310 - Đường Hợp ChâuĐồng Tỉnh - QL2C - QL37 - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang

Cự ly tuyến:720km

Tổng số chuyến xe/tháng: 210 chuyến/tháng (A), 30 chuyến/tháng (B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 20 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 190 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1	15h20	16h00	15h20			16h00	15h20	16h00	15h20			16h00	15h20	16h00	15h20			16h00	15h20	16h00	15h20			16h00	15h20	16h00	15h20				16h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1	15h20	16h00	15h20			16h00	15h20	16h00	15h20			16h00	15h20	16h00	15h20			16h00	15h20	16h00	15h20			16h00	15h20	16h00	15h20				16h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG -NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Ninh Bình

Mã số tuyến: 0835.1717.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam-QL2- QL1A- Bến xe Ninh Bình và ngược lại

Cự ly tuyến: 430km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kè (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05
2	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05	07h25	19h05
2	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30	18h05	08h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Nho Quan

Mã số tuyến: 0837.1729.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL1- BX khách Nho Quan và ngược lại;

Cự ly tuyến: 430 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG- NINH BÌNH

Bến xe nơi đi:BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Khánh Thành

Mã số tuyến: 0837.1730.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL1- QL10- BX Khánh Thành và ngược lại

Cự ly tuyến: 450 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi:BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Kim Đông

Mã số tuyến: 0837.1731.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL1- QL10- BX khách Kim Đông và ngược lại

Cự ly tuyến: 470 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi:BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Lai Thành

Mã số tuyến: 0837.1713.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL1- QL12 kéo dài- BX khách Lai Thành và ngược lại

Cự ly tuyến: 450 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi:BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** BXK phía Bắc Tam Điệp

Mã số tuyến: 0837.17.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL1- BXK phía Bắc Tam Điệp và ngược lại

Cự ly tuyến: 430 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Bình Minh

Mã số tuyến: 0837.1732.A

Hành trình tuyến A : BXK phía Nam Hà Giang- QL2-QL1- QL10- QL12B kéo dài- BX Thị trấn Bình Minh và ngược lại;

Cự ly tuyến: 465km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Nam Thành

Mã số tuyến: 0837.1718.A

Hành trình tuyến A : Bến xe khách phía Nam- QL2- Bắc Thăng Long- Đường 5 kéo dài- Cầu vượt đường 5- đường Nguyễn Văn Linh- đu Thanh Trì- Đường Vành đai 3- QL1A- Bến xe Nam Thành và ngược lại;

Cự ly tuyến (A): 380 km;

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

Nốt(tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Trở lại

Ngày 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

Ngày 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Kim Sơn

Mã số tuyến: 0837.1728.A, B

MST 3509

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam-QL2- QL1A- Bến xe khách Kim Sơn và ngược lại

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam - QL 2 - Tuyên Quang - Sơn Nam -Vĩnh Phúc - Phúc Yên - QL 2 - Võ Văn Kiệt - đường Hoàng Sa - đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - Cầu vượt nút giao Cầu Chui - Nguyễn Văn Linh - QL 5 - nút Giao QL 5 và QL 1 - Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ - Phủ Lý - QL 1A - Ninh Bình - Bến xe khách Kim Sơn và ngược lại

Cự ly tuyến: 415km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00	20h25	17h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -NINH BÌNH
Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe khách TT Yên Ninh
Mã số tuyến: 0837.1719.A
Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam-QL2- Đường Võ Văn Kiệt - QL5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Cầu Thanh Trì - QL1 - QL10- Bến xe TT Yên Ninh ngược lại (STT 6316)
Cự ly tuyến: 400km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

h và

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG-NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe phía Đông-TP Ninh Bình

Mã số tuyến: 0837.1711.A

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam-QL2- Đường Võ Văn Kiệt-QL5 kép dài-Cầu Đông Trù-Cầu Thanh Trì-QL1-BX phía Đông và ngược lại

Cự ly tuyến: 390km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

TP Ninh Bình

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -BẮC KẠN

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách TP Bắc Kạn

Mã số tuyến: 0819.1719.A,B

TT toàn quốc 1575

Hành trình tuyến: (A) Bến xe khách phía Nam- QL2- QL2C- QL37- BX khách Bắc Kạn và ngược lại;

(B) BXK Phía Nam - QL2- QL2C-QL37- Tân Trào - Quán Vuông - QL3C- QL3- BX Bắc Kạn và ngược lại.

Cự ly tuyến: 249km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -NINH BÌNH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe Trung tâm Hà Nam

Mã số tuyến: 0837.1720.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam-QL2-Đường Võ Văn Kiệt- Đường Hoàng Sa- Đường Trường Sa- Cầu Đông Trù- QL5- Cầu Th Vành đai 3 trên cao- Pháp Vân- QL1-QL6- Bến xe khách Trung tâm Hà Nam và ngược lại <A>;

Cự ly tuyến: 380 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 380 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):380 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

anh Trì-

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - NINH BÌNH
Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Vĩnh Trụ
Mã số tuyến: 0837.1721.A, B, C

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam-QL2-Bắc Thăng Long- Đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù- Đường 5 kéo dài- Cầu vượt Đường Nguyễn Văn Linh- Đường dẫn Cầu Thanh Trì- Đường vành đai 3- Cao tốc (Cầu Giẽ Pháp Vân)- Vực vòng, Cao tốc- Hòa Mạc- Đập Phúc- I Vĩnh Trụ và ngược lại <A>;

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam- QL2- Bắc Thăng Long- Đường 5 kéo dài- Cầu vượt đường 5- Đường Nguyễn Văn Linh- Đu Thanh Trì- Cầu Thanh Trì- Vành đai 3- Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ- Đồng Văn- Phủ Lý- BX khách Vĩnh Trụ và ngược lại;

Hành trình tuyến C: Bến xe phía Nam Hà Giang- QL2 - Tuyên Quang (QL2)- Phú Thọ- Vĩnh Phúc- Hà Nội- Cao tốc Cầu Giẽ Pháp Vân- Hòa Mạc-Đập Phúc-Bến xe Vĩnh Trụ và ngược lại;

Cự ly tuyến: 380km (A); 400km(B); 370 km (C)
Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng (A); 180 chuyến/tháng (B); 90 chuyến/tháng (C)
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 290 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 20 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

5- Đường
3 đến xe khách

Đường dẫn Cầu

Vực Vòng-

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG-LAI CHÂU

Bến xe nơi đi: Bến xe khách phía Nam; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách TP Lai Châu

Mã số tuyến: 0812.1711.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam- QL2- QL279- QL4D- Bến xe khách Lai Châu và ngược lại;

Cự ly tuyến: 390km

Tổng số chuyến xe/tháng: 390 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 390 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -LÀO CAI

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách KHE

Mã số tuyến: 0815.1813.A;

Hành trình tuyến: (A)BX khách khu vực Bắc Quang-QL2-QL279-QL70-đường Nguyễn Hoàng Liên Sơn- QL4D- BXK KHBĐX thị xã SaPa

Cự ly tuyến: 175

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong t																		
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngà
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngà
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tr

3ĐX thị xã Sa Pa

ỹễn Huệ- cầu Cốc Lếu - đường Nhạc Sơn -

tháng
/tháng
chuyến

háng										
y 10	Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

y 25	Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30	07h40	14h30

tác phân biệt màu:

a Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG-LÀO CAI

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Trung Tâm Lào Cai

Mã số tuyến: 0815.1811. A.B

Hành trình tuyến: (A)BX khách khu vực Bắc Quang-Tân Quang-Hoàng Su Phì-Xín Mần-Lùng Cái-Lùng Phình-Tỉnh lộ 153-Bắc Hà-Nguyễn Huệ-Trần Hưng Đạo-BX trung tâm Lào Cai và ngược lại;

Cự ly tuyến: 219km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

QL70-

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG -LÀO CAI

STT 6313

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Bắc Hà

Mã số tuyến: 0815.1816.A, B

Hành trình tuyến: (A) BX khách khu vực Bắc Quang-Q279- Quang Bình - TL178 - Xín Mần - QL4- TL159 - BX Bắc Hà và ngược lại (STT 6314)

Cự ly tuyến: 130 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

ại;

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - BẮC NINH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** BXK Bắc Giang

Mã số tuyến: 0824.1820.A;

Hành trình tuyến: (Bến xe khách khu vực Bắc Quang- QL.279- xã Liên Hiệp- xã Bắc Sơn- Chiêm Hoá- QL.2C- đoạn tránh TP Tuyên Quang- Cao tốc Nội Bài Lào (Cao tốc Hà Nội Lạng Sơn)- đường Hoàng Văn Thái- đường Xương Giang- BXK Bắc

Cự ly tuyến: 350

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến x

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong t																		
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm t

ng Hành- xã Hồng Quang- ngã ba Minh Đức-
Cai- đường Võ Văn Kiệt- QL.5 mới- QL.1A
; Giang và ngược lại.

ce/tháng
n/tháng
chuyển

tháng										
y 10	Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
17h45	04h30	17h45	04h30	17h45			04h30	17h45	04h30	17h45

y 25	Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30		Ngày 31	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45	04h30	17h45

n tắc phân biệt màu:

tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - BẮC NINH
Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** BXK Lương Tài
Mã số tuyến: 0824.1813.A;

Hành trình tuyến: BXK khu vực Bắc Quang - QL2 - Nút giao IC9 - Cao tốc Nội Bài Lào
đường Vành Đai 4 - ĐT295 - QL37 - QL1A - QL18 - Cầu Bình Than - ĐT 281 - BXK Lu

Cự ly tuyến: 350
Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/th
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/th
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuy

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong thán																			
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra H

Đường Cai - ĐT131 - ĐT296 - cầu Xuân Cẩm -
đường Trường Chinh và ngược lại

Đường
Đường
Đường

Đường									
Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30

Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30

phân biệt màu:

Đường

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe TP Yên Bái

Mã số tuyến: 0815.1812.A,B

Hành trình tuyến: (A) Bến xe khách khu vực Bắc Quang-QL2- QL279-QL70 -BXK Yên Bái và ngược lại;

(B) BX khách khu vực Bắc Quang- QL2- QL2C-ĐT 183-QL70 -BXK Yên Bái và ngược lại;

Cự ly tuyến: 130 km; 160 km

Tổng số chuyến xe/tháng: A-130 chuyến/tháng; B-160 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 290 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Nghĩa Lộ

Mã số tuyến: 0815.1815.A

Hành trình tuyến: BX khách khu vực Bắc Quang- QL2-QL2C-ĐT183- BXK Nghĩa Lộ và ngược lại.

Cự ly tuyến: 120km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Chợ Chùa

Mã số tuyến: 0815.18...A

Hành trình tuyến: BX khách khu vực Bắc Quang-QL2-QL37-QL70- TL311 - BXK Chợ Chùa và ngược lại

Cự ly tuyến: 110km

Tổng số chuyến xe/tháng: 110 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 110 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -THÁI NGUYÊN
Bến xe nơi đi: BXK khu vực Bắc Quang **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Trung tâm TP Thái Nguyên
Mã số tuyến: 0819.1811.A

Hành trình tuyến A : BXK khu vực Bắc Quang- QL2- Tuyên Quang- QL37- BX Trung tâm thành phố Thái Nguyên và ngược lại

Cự ly tuyến: 195 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 210 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 210 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

lại;

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Mỹ Đình

Mã số tuyến: 0108.1318.A MST 9676

Hành trình tuyến: BXK khu vực Bắc Quang – QL2 – Tuyên Quang – Đoan Hùng– Phù Ninh – cao tốc Lào Cai Nội Bài –đường Võ Văn Kiệt - cầu Thăng Long–Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - cầu vượt Mai Dịch) - cầu Vượt Mai Dịch - đường Phạm Hùng –BXK Mỹ Đình và ngược lại.

Cự ly tuyến: 260 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00
2	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45
4	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00
2	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45	20h30	11h45
4	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15	16h00	07h15

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HÀ NỘI
Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Gia Lâm
Mã số tuyến: 0108.1218.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách khu vực Bắc Quang - QL2 -Tuyên Quang - Phú Thọ-Vĩnh Phúc - Bến xe khách Gia Lâm và ngược lại

Cự ly tuyến: 255 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 15 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 75 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00		
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00			05h45	15h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - HẢI PHÒNG
Bến xe nơi đi: BXK khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe huyện Hải Tân
Mã số tuyến: 0831.1807.A

Hành trình tuyến A: BXK khu vực Bắc Quang -QL2-QL3- QL5-đường Trần Hưng Đạo-Đường Thanh Niên - BX Hải Tân và ngược lại;

Cự ly tuyến: 310 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe Hải Dương

Mã số tuyến: 0831.1804.A

Hành trình tuyến (A): Bến xe khách khu vực Bắc Quang - QL279 - Quang Bình - Xu

Cự ly tuyến: 340 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong t																	
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00
2	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00
2	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tr

ân Giang - Phố Cáo – Cầu Kiều - Vĩnh Tuy -

÷/tháng
tháng
chuyến

háng										
y 10	Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00
06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00

y 25	Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00
06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00	18h00	06h00

tắc phân biệt màu:

a Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe Ninh Giang

Mã số tuyến: 0831.1808.A

Hành trình tuyến (A): BXK khu vực Bắc Quang- QL2- QL3-QL5- QL37 - Bến xe Ninh Giang và ngược lại;

Cự ly tuyến: 340 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: BXK khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Phú Thọ

Mã số tuyến: 0825.1802.A,B

Hành trình tuyến A : BXK khu vực Bắc Quang- QL2-QL279- ĐT188- Chiêm Hóa (Quang) - đường Hùng Vương- BXK Phú Thọ và ngược lại

Hành trình tuyến B : BXK khu vực Bắc Quang- QL2-QL279- ĐT188- Chiêm Hóa (Thọ- đường Hồ Chí Minh - đường Hùng Vương- BXK Phú Thọ và ngược lại

Cự ly tuyến: 210 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 0 A- 60 B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến :

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo r

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang l

MST3494

- QL2C- Cầu Tân Hà - QL2 (Đoan Hùng - Tuyên

- QL2C- Cầu Tân Hà - QL2 -Cao tốc Tuyên Quang Phú

xe/tháng

/đến/tháng

30 phút/chuyến

trong tháng

Ngày 9	Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ngày 24	Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nguyên tắc phân biệt màu:

kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - PHÚ THỌ
Bến xe nơi đi: BXK khu vựcj Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Phúc Yên
Mã số tuyến: 0825.1832.A
Hành trình tuyến A : BXK khu vực Bắc Quang- QL2- Tuyên Quang- Phú Thọ-Việt Trì- Phúc Yên và ngược lại;
Cự ly tuyến: 220 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Vĩnh Niệm

Mã số tuyến: 0831.1801.A,B,C

Hành trình tuyến: Bến xe khách khu vực Bắc Quang- QL2- đường Võ Văn Kiệt- đường Hoàng Sa- đường Trường Sa- cầu Đông Trù - đường Lý Sơn- đường Nguyễn Văn Linh- QL5- BXK Vĩnh Niệm và ngược lại;

Hành trình B: BX Vĩnh Niệm - đường Bùi Viện -đường Nguyễn Trường Tộ - QL10-Quán Toan - QL5 - đường Nguyễn Văn Linh - đường Lý Sơn - cầu Đông Trù - đường Trường Sa -đường Hoàng Sa - đường Võ Văn Kiệt - QL2 - BXK khu vực Bắc Quang

Hành trình C: BXK khu vực Bắc Quang – QL279 – xã Liên Hiệp – xã Bằng Hành – xã Hồng Quang – Ngã ba Minh Đức – xã Phú Sơn – Chiêm Hoá – QL2C – Đoạn tránh TP Tuyên Quang – Ngã ba Đoan Hùng – Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - IC9 - Cao tốc Bài Lào Cai – Đường Võ Văn Kiệt – đường Hoàng Sa – đường Trường Sa – cầu Đông Trù – đường Lý Sơn – đường Nguyễn Văn Linh – QL5 - Quán Toan - QL10 - đường Nguyễn Trường Tộ - đường Bùi Viện – BXK Vĩnh Niệm và ngược lại

Cự ly tuyến: 355km -415 km C

Tổng số chuyến xe/tháng:120 chuyến/tháng (A-B); 60 C

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	Ngày 24	Ngày 25	Ngày 26	Ngày 27	Ngày 28	Ngày 29	Ngày 30
-----	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------

ng Trù-

nh - đường

húc
óc Nội
ăn Linh

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30
------	---------

Đến	Đi	Đến
-----	----	-----

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG-BẮC NINH

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Quế Võ

Mã số tuyến: 0824.1812.A.

Hành trình tuyến A: Bến xe khách khu vực Bắc Quang- QL2-QL37-TP Thái Nguyên-QL3-QL18-BX Quế Võ và ngược lại;

Cự ly tuyến: 260km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - THÁI NGUYÊN
Bến xe nơi đi: BXK khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: BXK Đình Hóa
Mã số tuyến: 0819.1813.A
Hành trình tuyến: BXK khu vực Bắc Quang- QL2- Tuyên Quang- QL37- QL3- QL3C- BX Đình Hóa, Thái Nguyên và ngược lại <A>;
Cự ly tuyến: 205 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LANG SƠN

Bến xe nơi đi: BXK khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách phía Bắc thành phố Lang Sơn

Mã số tuyến: 0820.1816.A

Hành trình tuyến A: BXK khu vực Bắc Quang- QL2- QL279- QL2C- QL3B- QL2- QL37- Cao tốc Hà Nội, Thái Nguyên- QL18-QL1- BX Lang Sơn và ngược lại <A>.

Cự ly tuyến: 460km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

(Tuyến quy hoạch mới theo QĐ số 667/QĐ-BGTVT ngày 19/4/2019)

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

phía Bắc

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - BẮC NINH

STT 9448

Bến xe nơi đi: B XKĐồng Văn; **Bến xe nơi đến:** B XK Bắc Giang

MS 9448

Mã số tuyến: 0824.2020.A

Hành trình tuyến: B XK xã Đồng Văn - QL4C - Yên Minh - Quản Bạ - Quyết Tiến - QL.4C - Đường Nguyễn Văn Linh – QL.2 - Đường Nguyễn Trãi – QL.2 - Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - Cao tốc Nội Bài Lào Cai – QL.18 – QL.1A - Cao tốc Hà Nội Lạng Sơn – QL.17 (đường Võ Nguyên Giáp) – ĐT.295B - Đường Thân Nhân Trung - Đường Xương Giang - B XK Bắc Giang

Cự ly tuyến: 670 Km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
1	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30	05h00	18h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - CAO BẰNG

Bến xe nơi đi: BXK Đồng Văn, Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Cao Bằng

Mã số tuyến: 0408.1820.A

Hành trình tuyến A: BXK xã Đồng Văn - QL4C - QL34 - QL3 - BX Cao Bằng và ngược lại; (STT 6192)

Cự ly tuyến: 220 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00	05h30	13h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK Đồng Văn ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Việt Trì

Mã số tuyến: 0825.2001.A ;

Hành trình tuyến: (A) Bến xe khách Việt Trì- đường Hùng Vương- QL2 - (thành Phố Hà Giang) -QL2 (đường Nguyễn Trãi)- QL4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến- Quản Bạ -Yên Minh - QL4C- bến xe khách xã Đồng Văn và ngược lại

Cự ly tuyến: 367 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																												
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 15
Đến

y 30
Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK Đồng Văn ; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Phú Thọ

Mã số tuyến: 0825.2002.A ;

Hành trình tuyến: (A)Bến xe khách Phú Thọ- QL2D- đườngHùng Vương- QL2- (thành Phố Hà Giang)- QL2 (đường Nguyễn Trãi)- QL4C (đường Nguyễn Văn Linh)- QuyếtTiến- Quản Bạ-Yên Minh- QL4C- bến xe khách xã Đồng Văn và ngược lại

Cự ly tuyến: 350 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15	15h15	0h15

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - PHÚ THỌ
Bến xe nơi đi: B XK Đồng Văn ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Vĩnh Tường
Mã số tuyến: 0825.20...A;

Hành trình tuyến:B XK Vĩnh Tường - QL2- Việt Trì - QL2 - Đoan Hùng - Tuyên Quang - Hàm Yên - Bắc Quang - QL2 - (thành Phố Hà Giang) - QL2 (đường Nguyễn Trãi)- QL4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến- Quản Bạ -Yên Minh - QL4C- B XK Đồng Văn và ngược lại

Cự ly tuyến: 380 km MS 9648

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: BXK Đồng Văn ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Gia Lâm

Mã số tuyến: 0108.1220.A

Hành trình tuyến:BXK khu vực Đồng Văn - QL4C- Yên Minh - Quản Bạ- Quyết Tiến - QL4C (đường Nguyễn Văn Linh)- QL2 (đường Nguyễn TP Hà Giang - QL2 - Tuyên Quang - Phú Thọ- Vĩnh Phúc - QL5 kéo dài - Cầu Đông Trù - BXK Gia Lâm và ngược lại

Cự ly tuyến: 470km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

n Trái) -

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG-HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: B XK Đồng Văn ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Yên Nghĩa

Mã số tuyến: 0108.2016.A

Hành trình tuyến: B XK Đồng Văn - QL4C- Yên Minh - Quản Bạ- Quyết Tiến - QL4C (đường Nguyễn Văn Linh)- QL2 (đường Nguyễn Trãi) -

Cự ly tuyến: 458km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

TP Hà

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -THÁI NGUYÊN

Bến xe nơi đi: BXK Đồng Văn ; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách TTTP Thái Nguyên

ms 9656

Mã số tuyến: 0819.2011.A

Hành trình tuyến:BXK xã Đồng Văn – QL4C – Yên Minh– Lao Và Chải – Cán Tỷ - Quản Bạ - Quyết Tiến – QL4C (đường Nguyễn

Cự ly tuyến: 367 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15			
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến		
1	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20	06h15	06h20

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -THÁI NGUYÊN

Bến xe nơi đi: B XK Đồng Văn ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Phố Yên

ms 9656

Mã số tuyến: 0819.2015.A

Hành trình tuyến:B XK xã Đồng Văn - QL4C- Yên Minh - Quản Bạ- Quyết Tiến - QL4C (đường Nguyễn Văn Linh)- QL2 (đường Nguyễn Trãi) Tuyên Quang- QL37- QL3 mới- QL3- B XK Phố Yên và ngược lại

Cự ly tuyến: 383 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

i) -

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK Đồng Văn ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Phúc Yên

Mã số tuyến: 0825.2032.A MS 9649

Hành trình tuyến: B XK Phúc Yên - QL2A - Vĩnh Yên- Việt Trì - QL2 - Đoan Hùng - Tuyên Quang - Hàm Yên - Bắc Quang - QL2 - (thành Ph Giang) - QL2 (đường Nguyễn Trãi)- QL4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến- Quản Bạ -Yên Minh - QL4C- B XK Đồng Văn và ngược lại
Cự ly tuyến: 406km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

ố Hà
i

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG-HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: B XK Đồng Văn ; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Mỹ Đình

Mã số tuyển: 0108.1320.A, B

Hành trình tuyến A: BX Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng - Cầu vượtMai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượtMai Dịch - CầuThăng Long) - Cầu Thăng Long- Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc Nội Bài LàoCai (Nút giao C8) - Phù Ninh - Đoan Hùng -QL2 - QL4C - Quán Bạ - Yên Minh - BX Đồng Văn

Hành trình tuyến B: BXK xã Đồng Văn – QL4C – Yên Minh – Lao và Chải – Cán Tỷ - Quản Bạ - Quyết Tiến – QL4C (đường Nguyễn Văn Linh) – QL2 – Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - IC9 – Cao tốc Nội Bài Lào Cai – QL2C – đường Võ Văn Kiệt – Cầu Thăng Long – đường Vành đai 3 trên cao (đoạn Cầu Thăng Long – cầu vượt Mai Dịch) – đường Phạm Hùng – BXK Mỹ Đình và ngược lại;

Cự ly tuyến: 420 km A-402 km B

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng - 30 chuyến/tháng B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

[illegible][illegible]

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG- HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: BXK Xín Mần; **Bến xe nơi đến:** BXK Mỹ Đình

MST 3498

Mã số tuyển: 0108.1319.A, B,C

Hành trình tuyến A: BXK Xín Mần - QL2- Đường Võ Văn Kiệt - cầu Thăng Long- Vành đai 3 trên cao (Đoạn cầu Thăng Long- cầu vượt Mai Dịch)- đường Phạm Hùng- BXK Mỹ Đình và ngược lại

Hành trình tuyến B: BXK Xín Mần - QL4 - Bắc Hà - ĐT153- QL4E- Phố Lu- IC17- Cao tốc Nội Bài Lào Cai- Đường Võ Văn Kiệt - cầu Thăng Long- Vành đai 3 trên cao (Đoạn cầu Thăng Long- cầu vượt Mai Dịch)- đường Phạm Hùng- BXK Mỹ Đình và ngược lại

Hành trình C: Bến xe khách Xín Mần - Hoàng Su Phì - Tân Quang - QL2 - Tuyên Quang - Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - IC9 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Đường Vành Đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - Bến xe Mỹ Đình và ngược lại.

Hành trình D: BX Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc Nội Bài Lào Cai – IC9 – Cao tốc Tuyên Quang, Phú Thọ - QL2- Vĩnh Tuy- Quang Bình- Nà Chì - BX Xín Mần và ngược lại.

Cư ly tuyến: 340 km (A), 343 km (B) 340 km (c)

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng (A) - 0 chuyến/tháng (B) -120 chuyến/tháng ©- 60 D

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 210 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

[illegible]

6	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30
7	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00

Nốt	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00	19h00
2	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30	09h00	20h30
3	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30	17h00	06h30
4	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30	08h30	19h30
5	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30	13h00	04h30
6	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30	19h30	11h30
5	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00	20h00	08h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - BẮC NINH

Bến xe nơi đi: BXK Xín Mần; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Bắc Ninh

Mã số tuyến: 0824.1911.A

Hành trình tuyến: (A) BXK huyện Xín Mần- Hoàng Su Phì- Tân Quang- Bắc Quang- QL2- QL18- ĐT 286- Đường Thiên Đức- l
Ninh

Cự ly tuyến: 345 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BXX Bắc

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - BẮC NINH STT 3565

Bến xe nơi đi: B XK Xín Mần; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Quế Võ

Mã số tuyến: 0824.1912.A

Hành trình tuyến: (A) B XK Xín Mần- Hoàng Su Phì- Tân Quang- Bắc Quang- QL2 - Bắc Thăng Long - Đông Anh - QL18 (Nội Bài - Bắc Ninh) - cầu Khả Lễ - QL1- cầu Đại Phúc- QL18 (Bắc Ninh - Phả Lại) - B XK Quế Võ và ngược lại.

Hành trình B: Bến xe khu vực Xín Mần – Hoàng Su Phì – Tân Quang – QL 2 – Cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ – Đường Hồ Chí Minh – Cao tốc Nội Bài, Lào Cai – Đông Anh – QL 18 (Nội Bài - Bắc Ninh) – Cầu Khả Lễ – QL 1A – Cầu Đại Phúc – QL 18 – Bến xe Quế Võ

Cự ly tuyến: 355 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng -30B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00
2	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00	05h15	19h00
2	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30	07h15	18h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK Xín Mần; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Kinh Môn

Mã số tuyến: 0831.1911.A

Hành trình tuyến: (A) Bến xe khách Xín Mần- Hoàng Su Phì- Tân Quang- Bắc Quan- Thọ Cao tốc Nội Bài Lào Cai- Đường Võ Văn Kiệt- Đường 5 kéo dài- Cầu Đông TrùQ khách Kinh Môn và ngược lại

Cự ly tuyến: 455 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong t																		
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngà
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00
2	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong t																		
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngà
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00
2	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc p

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ

g- TuyênQuang- Cao tốc Tuyên Quang Phú
QL5- Cầu An Thái-QL17B-ĐT389A- Bến xe

÷/tháng
tháng
chuyển

háng										
y 10	Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00
06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30

háng										
y 25	Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00	12h00	18h00
06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30	06h45	06h30

hân biệt màu:

SƠ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - HẢI PHÒNG
Bến xe nơi đi: BXK Xín Mần; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Ninh Giang

Mã số tuyến: 0824.1908.A

Hành trình tuyến: (A) BXK Xín Mần - Hoàng Su Phì - Tân Quang - QL2 - Bắc Quang - Tuyên Quang - Phú Thọ - Cao tốc Nội Bài Là
Thăng Long - Chợ Bầu - đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Gia Lâm - QL5 - Nhà hàng 559 - TP Hải Dương - khu công nghiệp Lai Vu -
Tứ Kỳ - BXK Ninh Giang và ngược lại;

Cự ly tuyến: 445 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

io Cai -
- huyện

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI
Bến xe nơi đi: BXK Xín Mần; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Sa Pa
Mã số tuyến: 0815.1913.A
Hành trình tuyến: (A) Hành trình chạy xe: BXK kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - đường Hàm Nghi - đường Hoàng Liên - đường Nhạc Sĩ - đường Trần Hưng Đạo - đường Nguyễn Huệ - QL70 - ĐT 153 - QL4 - BXK Xín Mần và ngược lại
Cự ly tuyến: 137 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Sơn- cầu

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - BẮC NINH

STT 3561

Bến xe nơi đi: B XK Xín Mần; **Bến xe nơi đến:** B XK Bắc Giang

Mã số tuyển: 0824.1920.A,B,C

Hành trình tuyến: (A) BXK huyện Xín Mần – Hoàng Su Phì – ĐT.177 – ngã tư Tân Quang – QL2 – đường Võ Văn Kiệt - đường Hoàng Sa - đường Trường Sa - cầu Đông Trù – QL5 - QL1A- đường gom QL1A - QL17- ĐT 295B- đường Thân Nhân Chung- đường Xương Giang- BXK Bắc Giang và ngược lại;

Hành trình (B): BX khách huyện Xín Mần-Hoàng Su Phì-Bắc Quang-Quốc lộ 2-Tuyên Quang-Quốc lộ 2C-Thái Nguyên-Quốc lộ 37- Ngã tư Đình Trám- QL1A- QL17- ĐT 295B- đường Thân Nhân Chung- đường Xương Giang- Bến xe Bắc Giang và ngược lại;- B XK Bắc Giang và ngược lại;

Hành trình C: BXK huyện Xín Mần - Nà Chì - Quang Bình - Bắc Quang - QL2 -Tuyên Quang - Cao Tốc Tuyên Quang Phú Thọ - Đường Hồ Chí Minh - Cao Tốc Nội Bài Lào Cai - Đường Võ Văn Kiệt - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Gia Lâm -Cầu Đuống- DT.295B- Đường Xương Giang - BXK Bắc Giang và ngược lại

Cự ly tuyến: 395 km -415 km (C)

Tổng số chuyến xe/tháng: 180 chuyến/tháng (60 chuyến/tháng A+60 Chuyến HTB + 60 Chuyến HTC)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):120 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

[illegible][illegible]

17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30	17h30	06h30
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK Xín Mần; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Việt Trì

Mã số tuyển: 0825.1901.A, B, C,D ;

Hành trình tuyến: (A) Bến xe khách Việt Trì - đường Hùng Vương - QL2- Nút Giao IC08 - Cao tốc Nội bài Lào Cai - Phố Lu - QL4E - ĐT 153 - Bắc Hà - QL4 - Bến xe khách Xín Mần và ngược lại (*QĐ 711/QĐ-BGTVT ngày 14/6/2023 của Bộ GTVT*)

Hành trình B: BXK Việt Trì - QL2 - Ngã 3 Vĩnh Tuy -Xuân Giang - Quang Bình - BXKXín Mần và ngược lại

Hành trình C: BXK Việt Trì - QL2 -IC8- Cao tốc Nội Bài Lào Cai - IC9 - đường Hồ Chí Minh - Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - QL2- Ngã 3 Vĩnh Tuy -Xuân Giang - Quang Bình - BXK Xín Mần và ngược lại

Hành trình D: BXK Việt Trì - QL2 -IC8- Cao tốc Nội Bài Lào Cai - IC9 - đường Hồ Chí Minh - Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - QL2- Bắc Quang - Tân Quang - Hoàng Su Phì - BXK Xín Mần và ngược lại

Cur ly tuyền: 260 km (A); 259 Km (B); 275 C; 259 km (D)

Tổng số chuyển xe/tháng: 120 chuyển/tháng (0A-0B), 60C, 60D

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

[illegible][illegible]

1	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45	07h00	20h45
3	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30	18h00	09h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK Xín Mần; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Phú Thọ

MST 9622

Mã số tuyến: 0825.1902.A, B

Hành trình tuyến: (A)Bến xe khách Phú Thọ - đường Hùng Vương - Nút Giao IC09 - Cao tốc Nội bài Lào Cai - Phố Lu - QL4E - ĐT153 - Bắc Hà - QL4 - Bến xe khách Xín Mần và ngược lại

Hành trình tuyến: (B)Bến xe khách Phú Thọ - đường Hùng Vương - đường Hồ Chí Minh - Cao tốc Phú Thọ Tuyên Quang - QL2 - Bắc Quang - Tân Quang - Hoàng Su Phì - Bến xe khách Xín Mần và ngược lại

Cự ly tuyến: 239 km (A) -254km (B)

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng (A), 60 (B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00
2	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00
2	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG -HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: BXK Xín Mần; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Vĩnh Niệm

Mã số tuyến: 0831.1901.A

Hành trình tuyến: BXK Xín Mần - QL4C - Bắc Hà - QL4E - QL70 - QL4E - ĐT15
Cai - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL18 - QL1A - QL5 - Quán Toan - QL10 - đường N
Vĩnh Niệm và ngược lại

Cự ly tuyến: 450 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến x

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuy

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong t																		
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00
2	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong t																		
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00
2	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra H

02 - Nút giao ĐT152 với Cao tốc Nội Bài Lào
[guyễn Trường Tộ - đường Bùi Viện - BXK

...e/tháng
...ến/tháng
...chuyến

háng										
y 10	Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00
12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40

háng										
y 25	Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00	08h00	22h00
12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40	19h30	12h40

phân biệt mẫu:

ồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE
STT 9446

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - LÀO CAI
Bến xe nơi đi: BXK Mèo Vạc; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Lục Yên
Mã số tuyến: 0815.2120.A

Hành trình tuyến: BXK Mèo Vạc – TL176 – Yên Minh – Lao và Chải – Cán tử- Quản Bạ - Quyết Tiến – QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - (đường Nguyễn Trãi) - Vị Xuyên - Bắc Quang – Quang Bình – Bằng Lang – Xuân Giang – Cáo – BXK Lục Yên và ngược lại;

Cự ly tuyến: 280 Km
Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

QL2

Ngày 15	
Đi	Đến

Ngày 30	
Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - BẮC NINH

STT 9447

Bến xe nơi đi: B XK Mèo Vạc; **Bến xe nơi đến:** BQL các B XK Bắc Giang

Mã số tuyến: 0824.2120.A,B,C

Hành trình tuyến:Bến xe Mèo Vạc - TL 176 - Yên Minh - Quản Bạ - QL4C - Quyết Tiến - QL4C - Đường Nguyễn Văn Linh - QL2 - Đường Nguyễn Trãi - TPHG - QL2 - QL37 - Cầu Nông Tiến - Sơn Nam - Sơn Dương - QL 18 - QL1A (Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn) - QL 17 - Đường Thân Nhân Trung - Đường Xương Giang - Bến xe thành phố Bắc Giang và ngược lại.

Hành trình B: B XK Mèo Vạc - QL4C - Bảo Lâm - QL34 - QL280 - QL279 (Na Hang) - ĐT189 (Chiêm Hoá) - Cao tốc (Tuyên Quang - Phú Thọ) - Đường Hồ Chí Minh - IC9 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL18 - QL 1A - Đường Hoàng Văn Thái - ĐT 295B - Đường Xương Giang- B XK Bắc Giang và ngược lại.

Hành trình C: Bến xe Mèo Vạc - TL 176 - Yên Minh - Lao và Chải - Cán Tỷ - Quản Bạ - Quyết Tiến - QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - QL2 - QL37 - Cầu Nông Tiến - Sơn Nam - Sơn Dương - QL 18 – QL 1A (Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn) – đường Hoàng Văn Thái - ĐT 295B- đường Xương Giang- Bến xe Bắc Giang và ngược lại

Cự ly tuyến: 550 Km (A) , 462 km (B)

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng (A)-30B -30 C

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):90 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút) 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
1	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50		
2		15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	
3	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	
4	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	

nốt	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng
-----	---

(tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1		18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30	13h50			18h30
2	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00			15h50	17h00	
3	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30	16h35	16h30
4	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30	15h15	17h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK Mèo Vạc ; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Việt Trì

Mã số tuyển: 0825.2101.A,B,C;

Hành trình tuyến: (A) Bến xe khách Việt Trì- đường Hùng Vương- QL2 - (thành Phố Hà Giang) -QL2 (đường Nguyễn Trãi- QL4C (đường Văn Linh) - Quyết Tiến- Quản Ba-Yên Minh - TL 176- bến xe khách MèoVạc và ngược lại

Hành trình B: BXK Việt Trì - Đường Hùng Vương -QL2 - QL3B- Chiêm Hóa - QL2C- Na Hang -QL 279 - QL280 - QL 34 - Bảo Lâm - QL 4C - BXK Mèo Vạc và ngược lại

Hành trình C: BXK Việt Trì - QL2 - IC8 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - IC9 - đường Hồ Chí Minh- Cao tốc Phú Thọ Tuyên Quang - QL2 - F (Chiêm Hóa)-QL 279 (Na Hang) - ĐT 176 (Yên Hoa - Thương Nông - Thương Giáp) - QL 34 - Bảo Lâm - QL4C - BXK Mèo Vạc và ngược lại.

Cư ly tuyến: 369 km (A), 362 KM (B), 362 C

Tổng số chuyển xe/tháng: 30A-0B-30C

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

[illegible][illegible]

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

g Nguyễn

ĐT189

c lại

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -PHÚ THỌ

Bến xe nơi đi: B XK Mèo Vạc ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Phú Thọ

Mã số tuyến: 0825.2102.A,B,C

Hành trình tuyến: (A) Bến xe khách Phú Thọ- QL2D- đườngHùng Vương- QL2- (thành Phố Hà Giang)- QL2 (đường Nguyễn Trãi)-QL4C Nguyễn Văn Linh)- Quyết Tiến- Quản Bạ-Yên Minh- TL 176- bến xe khách Mèo Vạc và ngược lại

Hành trình B: B XK Phú Thọ - Đường Hùng Vương -QL2 - QL3B- Chiêm Hóa - QL2C- NaHang -QL 279 - QL280 - QL 34 - Bảo Lâm - Q huyện Mèo Vạc và ngược lại

Hành trình C: B XK Phú Thọ - Đường Hùng Vương -đường Hồ Chí Minh - Cao tốc Phú Thọ Tuyên Quang - QL2 - ĐT189 (Chiêm Hóa)-Q Hang) - ĐT 176 (Yên Hoa - Thượng Nông - Thượng Giáp) - QL 34 - Bảo Lâm - QL4C - B XK huyện Mèo Vạc và ngược lại

Cự ly tuyến: 352 km (A); 346 km (B); 341 C

Tổng số chuyến xe/tháng: 30A-0B-30C

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

(đường

L 4C - BXK

L 279 (Na

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - PHÚ THỌ
Bến xe nơi đi: B XK Mèo Vạc ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Vĩnh Yên
Mã số tuyến: 0825.2128.A ;
Hành trình tuyến: B XK Vĩnh Yên - QL2A - Việt Trì - QL2 - Đoan Hùng - Tuyên Quang - Hàm Yên - Bắc Quang - QL2 - (thành Phố Hà Giang QL2 (đường Nguyễn Trãi)- QL4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến- Quản Bạ -Yên Minh -TL 176- B XK huyện Mèo Vạc và ngược lại

Cự ly tuyến: 396 km MS 9647
Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

5) -

y 15
Đến

y 30
Đến

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG-HÀ NỘI

Bến xe nơi đi: B XK Mèo Vạc ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Mỹ Đình

Mã số tuyến: 0108.1321.A ;

Thăng Long) - Cầu Thăng Long- Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc Nội Bài LàoCai (Nút giao C8) - Phù Ninh - Đoàn Hùng -QL2 - QL4C - Quán Bạ - Yên Minh - BX Mèo Vạc

Cự ly tuyến: 450 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00	11h30	09h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -THÁI NGUYÊN

Bến xe nơi đi: BXK xã Mèo Vạc ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Phở Yên

Mã số tuyến: 0819.2115.A ;

Hành trình tuyến: BXK xã Mèo Vạc - TL176 - Yên Minh - Quản Bạ - Quyết Tiến - (Trải) - Tuyên Quang - QL37 - QL3 - QL3 tuyến đường tránh Thành phố Thái Nguyên .

Cự ly tuyến: 332 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

- Ghi chú:** Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
 - Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra H

QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - QL2 (đường Nguyễn
- QL3- BXK Phố Yên và ngược lại;

'tháng
/tháng
45 phút/chuyến

trong tháng												
Ngày 9	Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

trong tháng												
Ngày 24	Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

: phân biệt màu:
lồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -CAO BẰNG

Bến xe nơi đi: BXK Mèo Vạc ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách TP Cao Bằng

Mã số tuyến: 0408.1821A ;

Hành trình tuyến: Bến xe khách liên tỉnh thành phố Cao Bằng – rẽ phải theo QL3 – C

Cự ly tuyến: 199 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra H

QL34 – Quốc lộ 4C - Bến xe khách Mèo Vạc và ngược lại.

tháng
/tháng
60 phút/chuyến

trong tháng												
Ngày 9	Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

trong tháng												
Ngày 24	Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

: phân biệt màu:

lồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -LẠNG SƠN

Bến xe nơi đi: BXK Mèo Vạc ; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách phía Bắc Lạng Sơn

Mã số tuyến: 0820.2116.A;

Hành trình tuyến:BXK Mèo Vạc – QL4C – Lý Bôn Cao Bằng – QL34 – QL3 – Ngã tư Ngọc Xuân – Đường 3/10 – Đông Khê – Đồng Đăng QL4A – BXK phía Bắc TP Lạng Sơn

Cự ly tuyến: 305 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYỀN QUANG - THÁI NGUYÊN

Bến xe nơi đi: BXK Mèo Vạc ; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách TT Thái Nguyên

Mã số tuyến: 0819.2111.A; B

Hành trình tuyến: BX Mèo Vạc - QL4C - TT Bảo Lâm - QL34 - ĐT212 - QL279- Phở Thông - Bắc Kạn - QL 3 - QL3 tuyến tránh TP Thái Nguyên -đường Thống Nhất - BXK Trung tâm TP Thái Nguyên và ngược lại

Hành trình tuyến B: BXK xã Mèo Vạc – ĐT176 – Yên Minh –Lao Và Chải – Cán Tỷ - Quản Bạ - Quyết Tiến – QL4C (đường Nguyễn Văn Linh) – QL2 (đường Nguyễn Trãi) – Tuyên Quang – QL37 – QL3 mới - QL3 – BXK Trung tâm Thành phố Thái Nguyên

Cự ly tuyến: 312 km A, 369 km B

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng A - 30 B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15
2	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15	06h15
2	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40	08h05	04h40

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

lg
i

y 15
Đến
06h15
04h40

y 30
Đến
06h15
04h40

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: B XK Mèo Vạc ; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Thượng Lý

Mã số tuyến: 0831.2102.A

Hành trình tuyến:B XK Mèo Vạc - TL176- Yên Minh -Lao và Chải - Cán Tỷ - Quản Bạ - Quyết Tiến - QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - QL2 - Tuyên Quang - Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - cao tốc Nội Bài Lào Cai - đường Võ Văn Kiệt - đường Hoàng Sa - đường Trường Sa - cầu Đông Trù - QL5 - Đường Hùng Vương- B XK Thượng Lý và ngược lại

Cự ly tuyến: 550 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00	14h00	17h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYẾN QUANG -HẢI PHÒNG

Bến xe nơi đi: B XK Mèo Vạc ; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Vĩnh Niệm

Mã số tuyến: 0831.2101.A

Hành trình tuyến: B XK Mèo Vạc - TL176- Yên Minh - Quản Bạ - Quyết Tiến - QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - QL2 – Đoan

Cự ly tuyến: 540 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15			
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến		
1	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																															
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30			
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến		
1	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30	11h50	17h30		

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -QUẢNG NINH

Bến xe nơi đi: BXK xã Mèo Vạc ; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Cái Rồng

Mã số tuyến: 0822.2113.A

Hành trình tuyến: BXK xã Mèo Vạc - TL176- Yên Minh - Quản Bạ - Quyết Tiến - QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - QL2 – Bắc Quang – QL2 – Cao tốc Tuyên Quang Phú Thọ - IC9 – Cao tốc Nội Bài Lào Cai – IC6 – QL2 – Ngã tư Nội Bài – QL18 – Quế Võ – ĐT 287 – Thuận Thành 5 – cầu Kinh Dương Vương – Phồ Nôi – QL5A- Quán Toan – QL10 –Uông Bí – QL18 – BXK Cái Rồng và ngược lại;

Cự ly tuyến: 681 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 45 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30	12h45	14h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.